

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC TUẦN



TÍCH TRỮ CHỜ CƠ HỘI

Ngày: 09/03/2026 – 13/03/2026

NỘI DUNG BÁO CÁO

1. TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ
2. ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM
3. CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT
4. LỊCH SỰ KIỆN



TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

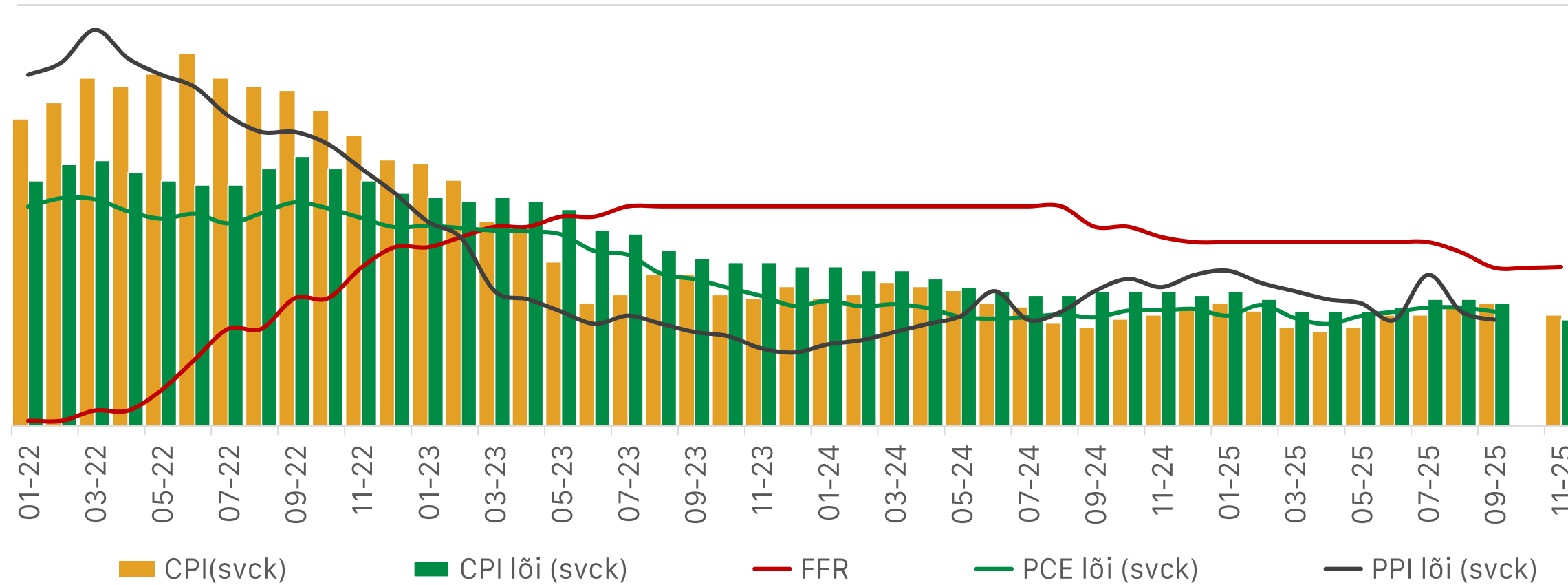


Kinh tế Mỹ — tăng trưởng chậm lại, lạm phát dai dẳng và thị trường lao động điều chỉnh

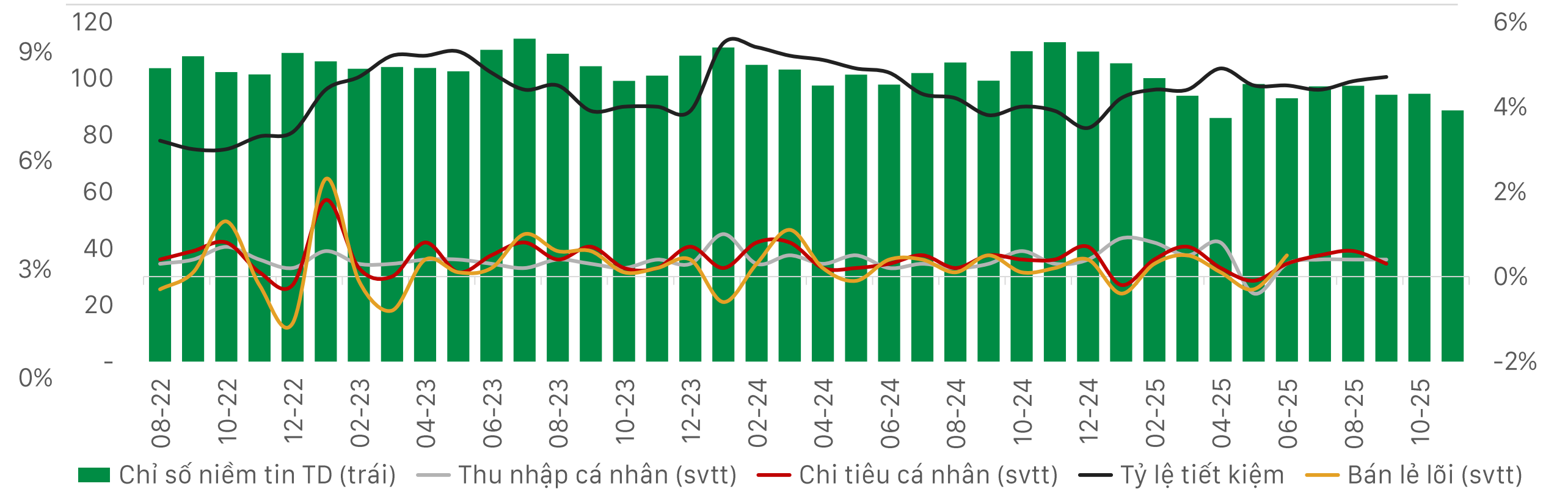


Tăng trưởng “chậm nhưng không suy thoái”, với GDP thấp hơn kỳ vọng nhưng không rơi vào suy thoái kỹ thuật. Nền kinh tế vẫn duy trì mở rộng dựa trên tiêu dùng và đầu tư vào công nghệ (như thiết bị liên quan đến AI), nhưng phần còn lại của tăng trưởng — như tiêu dùng rộng rãi và đầu tư tư nhân ngoài công nghệ — còn yếu. Thị trường lao động vẫn ở mức tương đối khỏe, nhưng dấu hiệu tuyển dụng chậm lại và sự xáo trộn việc làm do tự động hóa/AI cho thấy thị trường đang trong quá trình điều chỉnh, làm giảm sức ép lên tiền lương và lạm phát. Sự căng thẳng giữa phần dữ liệu lạm phát vẫn trên mục tiêu và thị trường lao động hạ nhiệt khiến Fed rất thận trọng, điều chỉnh chính sách tiền tệ từ từ hơn thay vì cắt mạnh lãi suất.

Tăng trưởng kinh tế yếu hơn kỳ vọng, tăng trưởng GDP thấp và không đồng đều

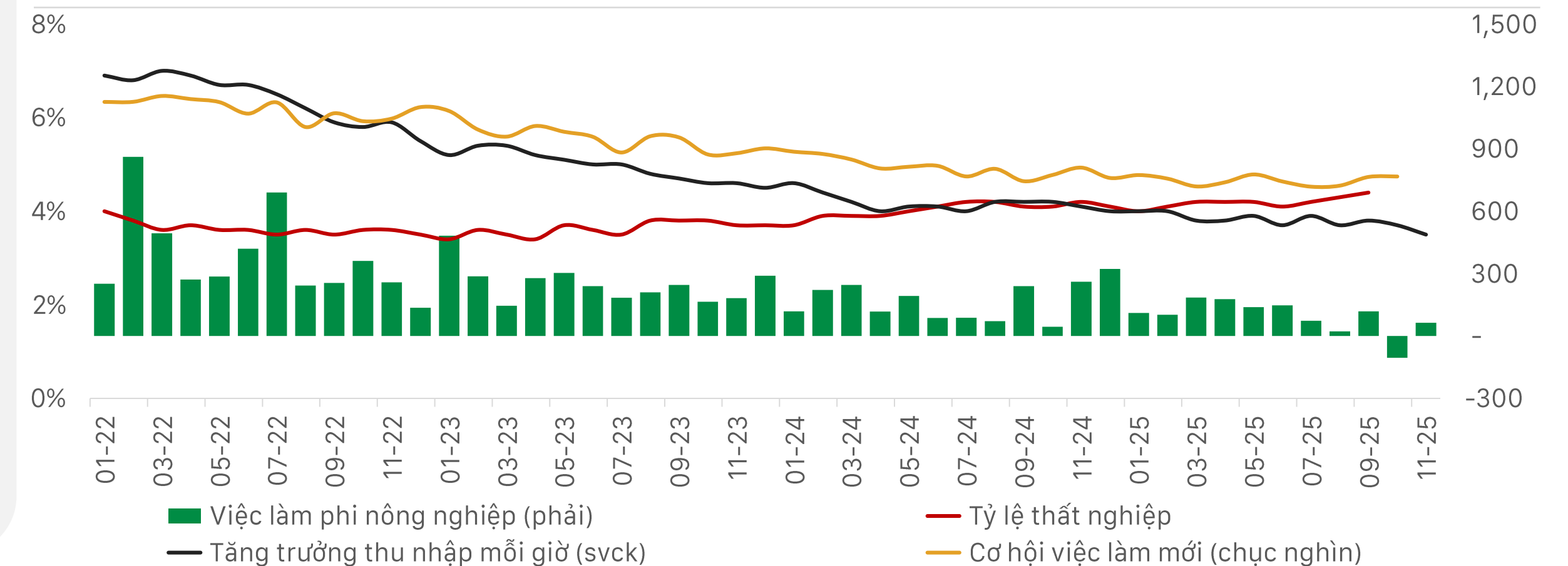


Lạm phát chưa về mục tiêu và Fed giữ chính sách thận trọng



Tăng trưởng kinh tế yếu hơn kỳ vọng, tăng trưởng GDP thấp và không đồng đều. Số liệu chính thức cho thấy tăng trưởng GDP của Mỹ trong quý IV 2025 chỉ đạt ~1,4 %, thấp hơn kỳ vọng của giới chuyên gia và cho thấy nền kinh tế chịu tác động mạnh từ đóng cửa chính phủ kéo dài và chi tiêu kiềm chế. Nhìn chung kinh tế đang mở rộng nhưng với tốc độ khiêm tốn, và tăng trưởng “kém bền” hơn so với giai đoạn trước đó. **Thị trường lao động vẫn tương đối ổn nhưng có dấu hiệu hạ nhiệt.** Đơn xin trợ cấp thất nghiệp gần đây giảm xuống mức ~206 000, thấp hơn dự báo, cho thấy thất nghiệp vẫn ở mức thấp theo lịch sử. Tuy vậy, dữ liệu việc làm cho thấy đà tuyển dụng chậm lại, số việc làm tạo mới không mạnh và nhiều doanh nghiệp công bố cắt giảm tuyển dụng, đặc biệt trong các ngành chịu ảnh hưởng tự động hóa và AI — tạo ra tâm lý “nguội” trong thị trường lao động. **Lạm phát chưa về mục tiêu và Fed giữ chính sách thận trọng.** Mặc dù lạm phát có xu hướng giảm, chỉ số lạm phát ưa thích của Fed vẫn duy trì trên mục tiêu ~2 %, khiến Fed và các quan chức như bà Mary Daly nhấn mạnh sự cần thiết của chính sách tiền tệ thận trọng để đảm bảo lạm phát duy trì xu hướng hạ dần. Dữ liệu kinh tế hỗn hợp tạo ra môi trường mà Fed không thể cắt lãi nhanh hoặc quá sâu.

Thị trường lao động vẫn tương đối ổn nhưng có dấu hiệu hạ nhiệt

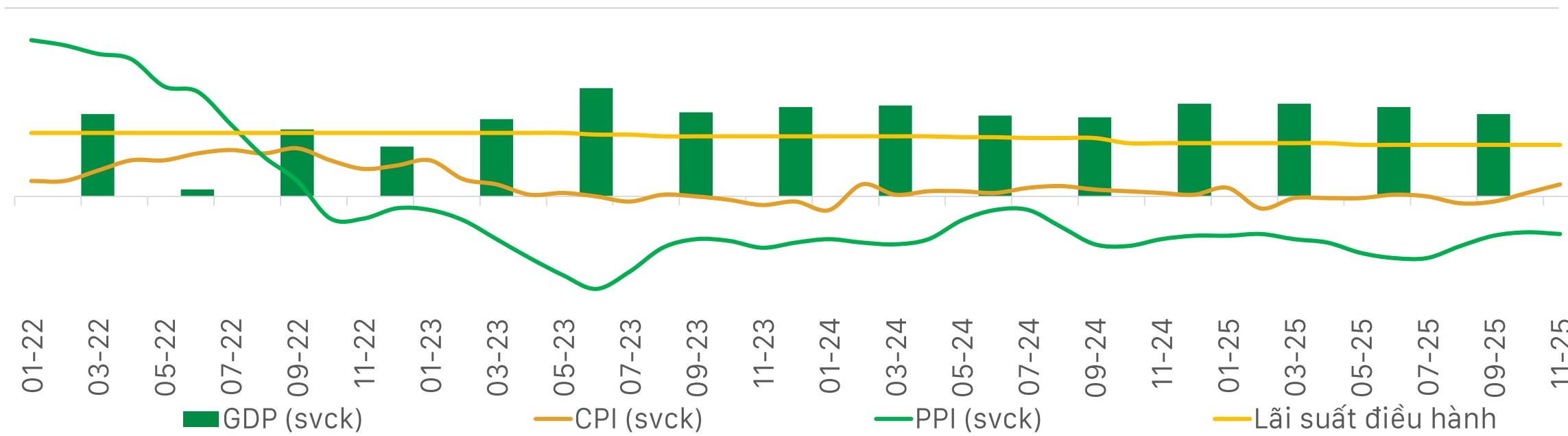


Trung Quốc "ổn định nhưng suy yếu nội lực" — tăng trưởng chậm lại, bất động sản kéo lùi và chuyển dịch hướng tới tiêu dùng



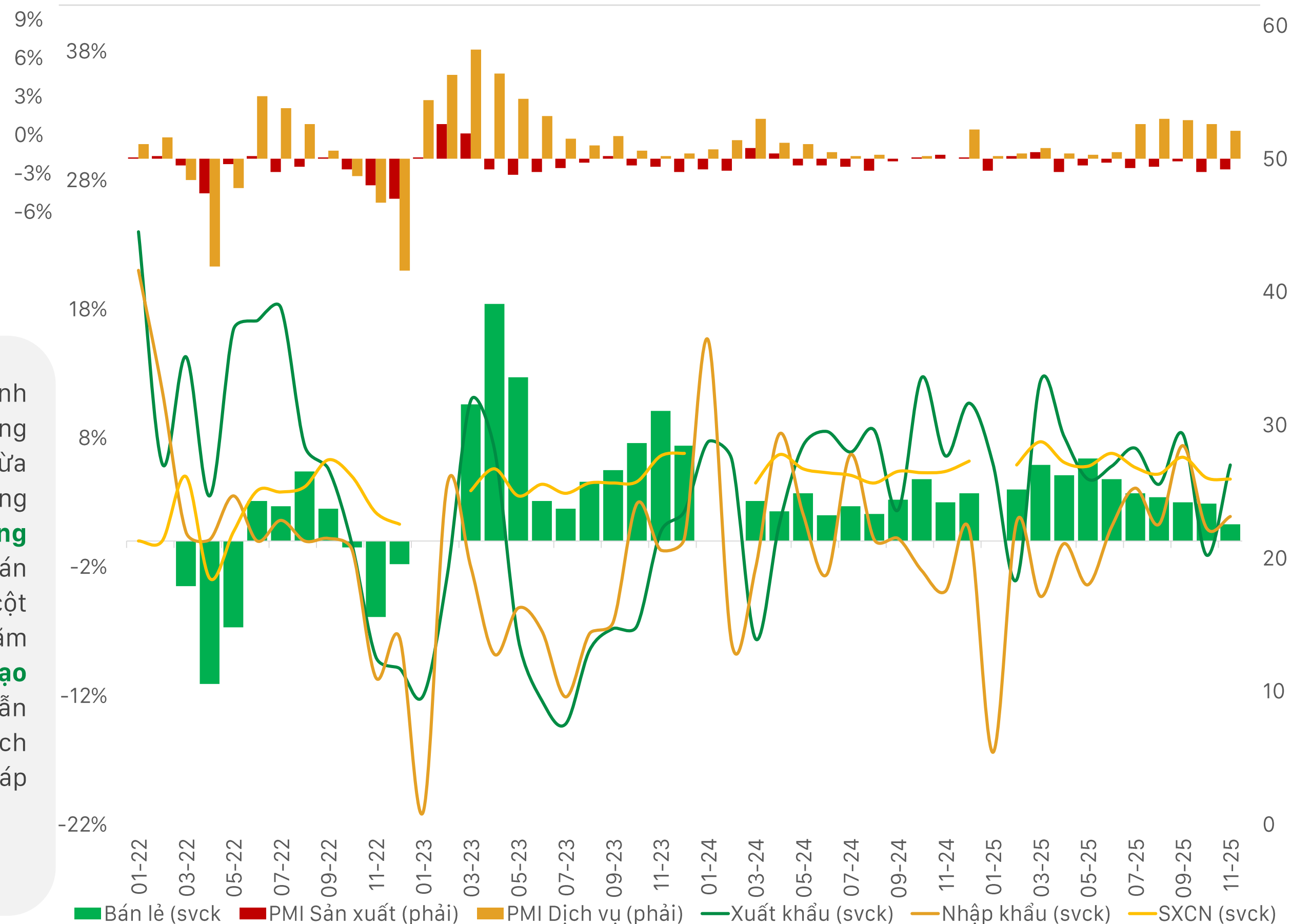
Bức tranh kinh tế Trung Quốc cho thấy sự ổn định trong bối cảnh khó khăn nội lực kéo dài: tốc độ tăng trưởng giảm dần nhưng vẫn duy trì ở mức dương, chủ yếu nhờ xuất khẩu và đầu tư công, trong khi tiêu dùng nội địa và thị trường bất động sản còn đang yếu. Điều này tạo ra trạng thái "ổn định yếu" — tăng trưởng tổng thể không suy thoái nhưng không đủ mạnh để đạt mục tiêu cao hơn. Trong đầu năm 2026 và trung hạn, triển vọng tăng trưởng sẽ phụ thuộc lớn vào khả năng: kích thích cầu tiêu dùng nội địa hiệu quả hơn, qua các gói kích cầu và cải thiện an sinh xã hội để kéo giảm tiết kiệm phòng ngừa; giải quyết tình trạng dư cung và nợ xấu trong bất động sản, tránh rủi ro tài chính lan rộng; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sang dịch vụ và công nghệ cao, nhằm giảm phụ thuộc vào xuất khẩu và ngành công nghiệp truyền thống. Rủi ro chính cần theo dõi là sức ép giảm phát do tiêu dùng yếu và dư cung tài sản, cùng với áp lực quốc tế từ các căng thẳng thương mại và đề nghị giảm trợ cấp công nghiệp từ IMF, có thể ảnh hưởng tới tính bền vững của mô hình tăng trưởng hiện tại.

Tăng trưởng GDP dự báo tiếp tục hạ nhiệt trong 2026.



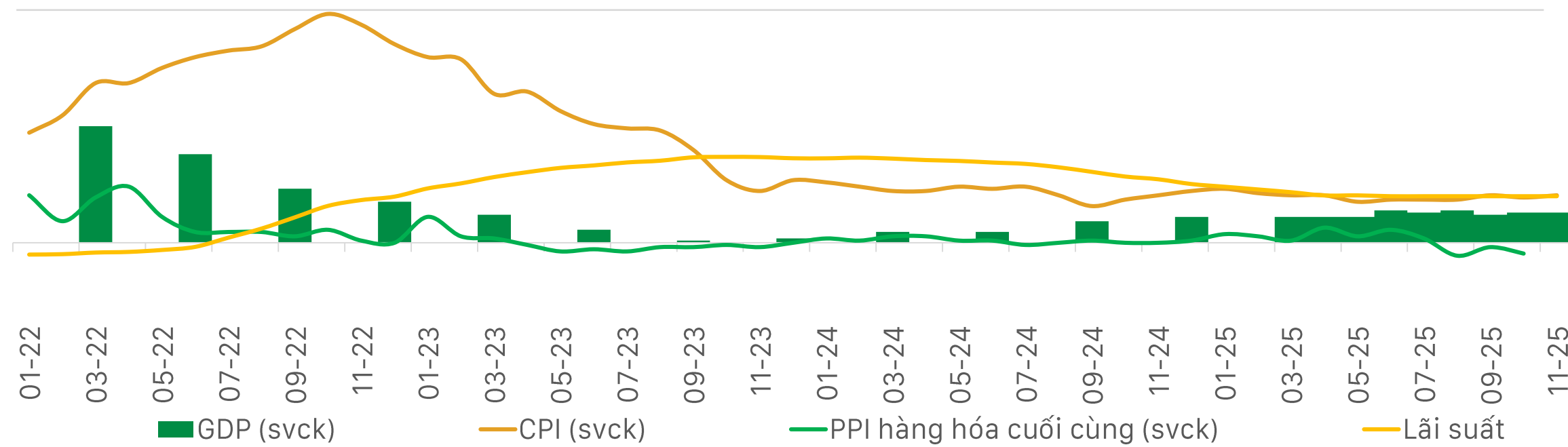
1. Tăng trưởng GDP dự báo tiếp tục hạ nhiệt trong 2026. Các tổ chức quốc tế và định chế tài chính hàng đầu dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc sẽ giảm so với năm trước, với mức dự báo khoảng 4.1–4.8 % trong năm 2026 tùy nguồn (Fitch, Goldman Sachs, UBS). Điều này phản ánh sự suy yếu vừa phải trong hoạt động sản xuất và tiêu dùng nội địa, dù vẫn đủ duy trì tăng trưởng ở mức dương trong bối cảnh toàn cầu chậm lại. **2. Tiêu dùng nội địa còn yếu và chuyển hướng kích thích hoạt động dịch vụ.** Hoạt động tiêu dùng được kỳ vọng tăng nhẹ, đặc biệt trong các dịp lễ như Tết Nguyên đán nhằm kích cầu nội địa, nhưng tổng cầu vẫn không đủ mạnh để bù đắp cho sự yếu đi của các trụ cột khác. Chính phủ đang thúc đẩy phát triển các ngành dịch vụ như thể thao mùa đông, du lịch và chăm sóc sức khỏe để tái cấu trúc động lực tăng trưởng. **3. Bất động sản tiếp tục là điểm nghẽn lớn, tạo rủi ro lan tỏa.** Thị trường bất động sản — một trong những trụ cột của nền kinh tế Trung Quốc — vẫn trong giai đoạn suy thoái kéo dài, với doanh số bán nhà giảm mạnh và dư cung lớn. Các nhà phân tích từ S&P Global Ratings nhận định doanh thu bán nhà có thể tiếp tục giảm mạnh trong năm nay, gây áp lực lên các doanh nghiệp phát triển bất động sản và làm giảm thu nhập hộ gia đình.

. Tiêu dùng nội địa còn yếu và chuyển hướng kích thích hoạt động dịch vụ



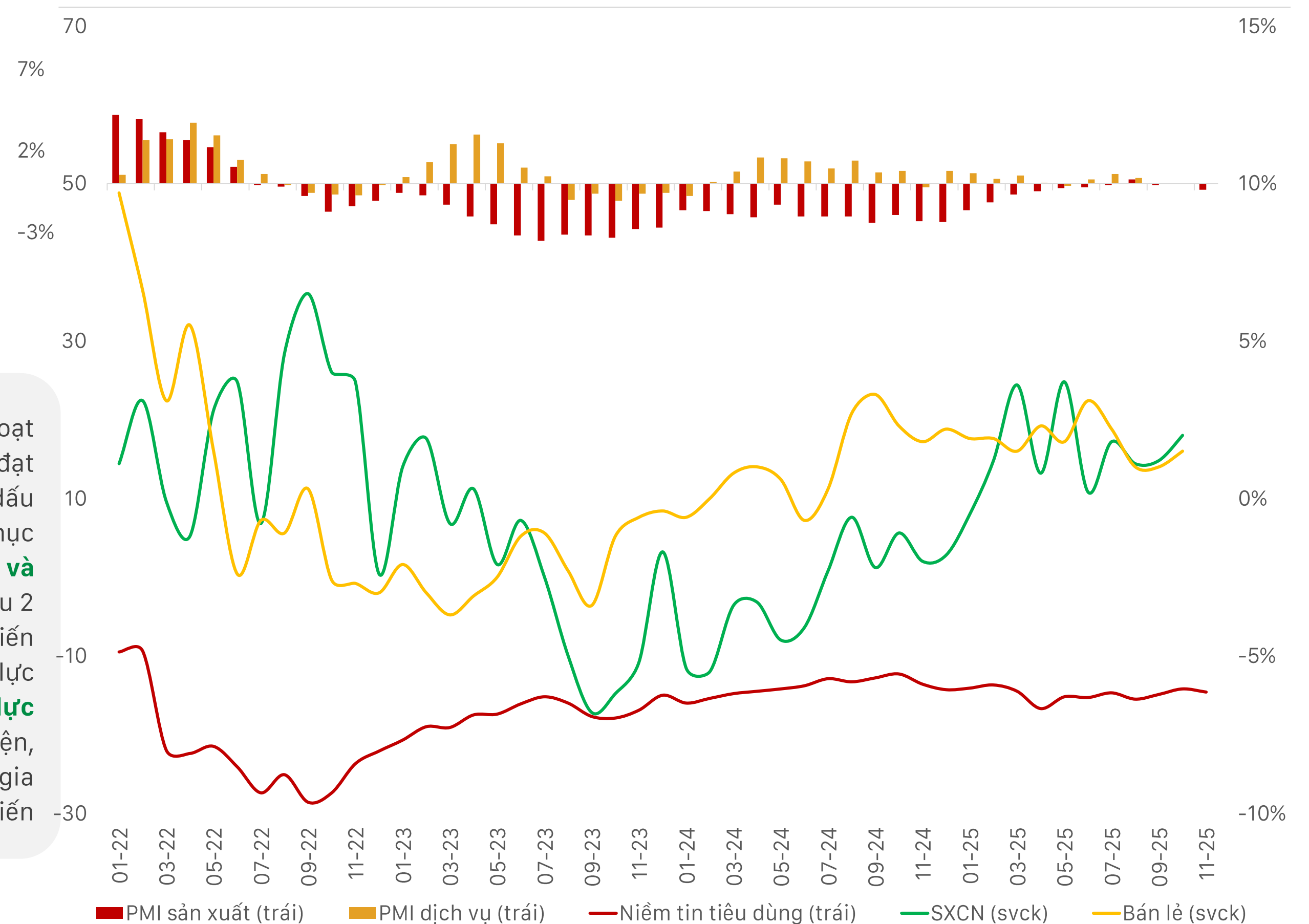
Dấu hiệu phục hồi hoạt động trong ngắn hạn, đặc biệt sự bật lên của sản xuất và PMI tổng hợp cao hơn dự kiến. Tuy nhiên, đây vẫn là “phục hồi giữa nền tảng yếu”: lạm phát khu vực đồng euro duy trì thấp hơn mục tiêu ECB, tạo dư địa chính sách tiền tệ ổn định nhưng cũng phản ánh cầu nội địa chưa đủ mạnh; niềm tin tiêu dùng thấp và thị trường lao động chỉ phục hồi từ từ chưa đủ sức kéo tăng trưởng tự thân. Trong quý II–III/2026, dự báo cho thấy kinh tế khu vực sẽ tiếp tục mở rộng ở mức vừa phải (~1,4–1,6 % GDP theo BNP Paribas và các tổ chức quốc tế), với việc sản xuất và dịch vụ hỗ trợ lẫn nhau. Lạm phát có khả năng duy trì thấp quanh mục tiêu dài hạn, giảm áp lực cho việc tăng mạnh lãi suất, nhưng cũng đặt ra thách thức về hút vốn đầu tư tư nhân và cải thiện chi tiêu tiêu dùng. Rủi ro trọng yếu cần theo dõi: Lạm phát thấp kéo dài, có thể khiến ECB phải duy trì lãi suất thấp hơn cần thiết và hạn chế “đòn bẩy” tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng; Niềm tin tiêu dùng kéo dài thấp, ảnh hưởng tới sức chi tiêu nội địa và nhu cầu dịch vụ; Tình trạng phân hóa kinh tế nội khối, khi một số nước như Đức phục hồi rõ hơn trong sản xuất, nhưng phạm vi lan tỏa còn hạn chế.

Hoạt động kinh tế phục hồi tích cực trong ngắn hạn



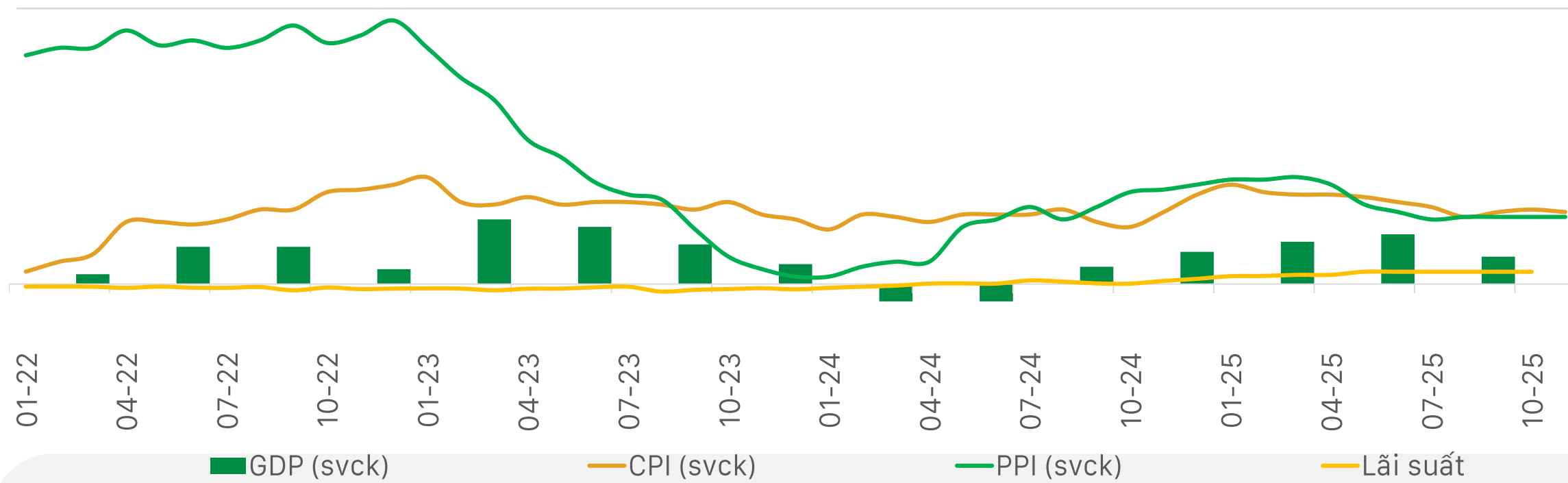
1. Hoạt động kinh tế phục hồi tích cực trong ngắn hạn. Dữ liệu PMI flash mới nhất cho thấy hoạt động kinh doanh ở khu vực đồng euro tăng cao hơn kỳ vọng trong tháng 02/2026, với PMI tổng hợp đạt 51,9 và PMI sản xuất tăng trở lại trên mức 50, lần đầu tiên sau nhiều tháng, cho thấy sản xuất có dấu hiệu mở rộng và các đơn hàng mới gia tăng. Điều này phần nào minh chứng động lực tăng trưởng phục hồi ngay từ đầu năm, dù mức mở rộng vẫn ở cường độ vừa phải. **2. Lạm phát tiếp tục dưới mục tiêu và tạo dư địa chính sách tiền tệ.** Khu vực euro tiếp tục chứng kiến lạm phát giảm xuống dưới mục tiêu 2 %, với dữ liệu CPI mới nhất cho thấy tỷ lệ ở khoảng 1,7 %–1,9 %, thấp nhất trong nhiều tháng. Diễn biến này củng cố triển vọng chính sách thận trọng của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB), giảm áp lực tăng lãi, và tập trung hơn vào cân bằng giữa kích thích tăng trưởng và duy trì ổn định giá cả. **3. Nội lực yếu – niềm tin tiêu dùng và tăng trưởng lao động còn hạn chế.** Dù hoạt động doanh nghiệp cải thiện, niềm tin tiêu dùng vẫn ở mức thấp so với trung bình dài hạn, phản ánh kỳ vọng thận trọng của hộ gia đình và doanh nghiệp. Sự phục hồi của thị trường lao động diễn ra từ từ và chưa tạo ra đột biến, khiến chi tiêu nội địa và đầu tư tư nhân chưa thể mạnh mẽ nâng đỡ tăng trưởng tổng thể.

Lạm phát tiếp tục dưới mục tiêu và tạo dư địa chính sách tiền tệ



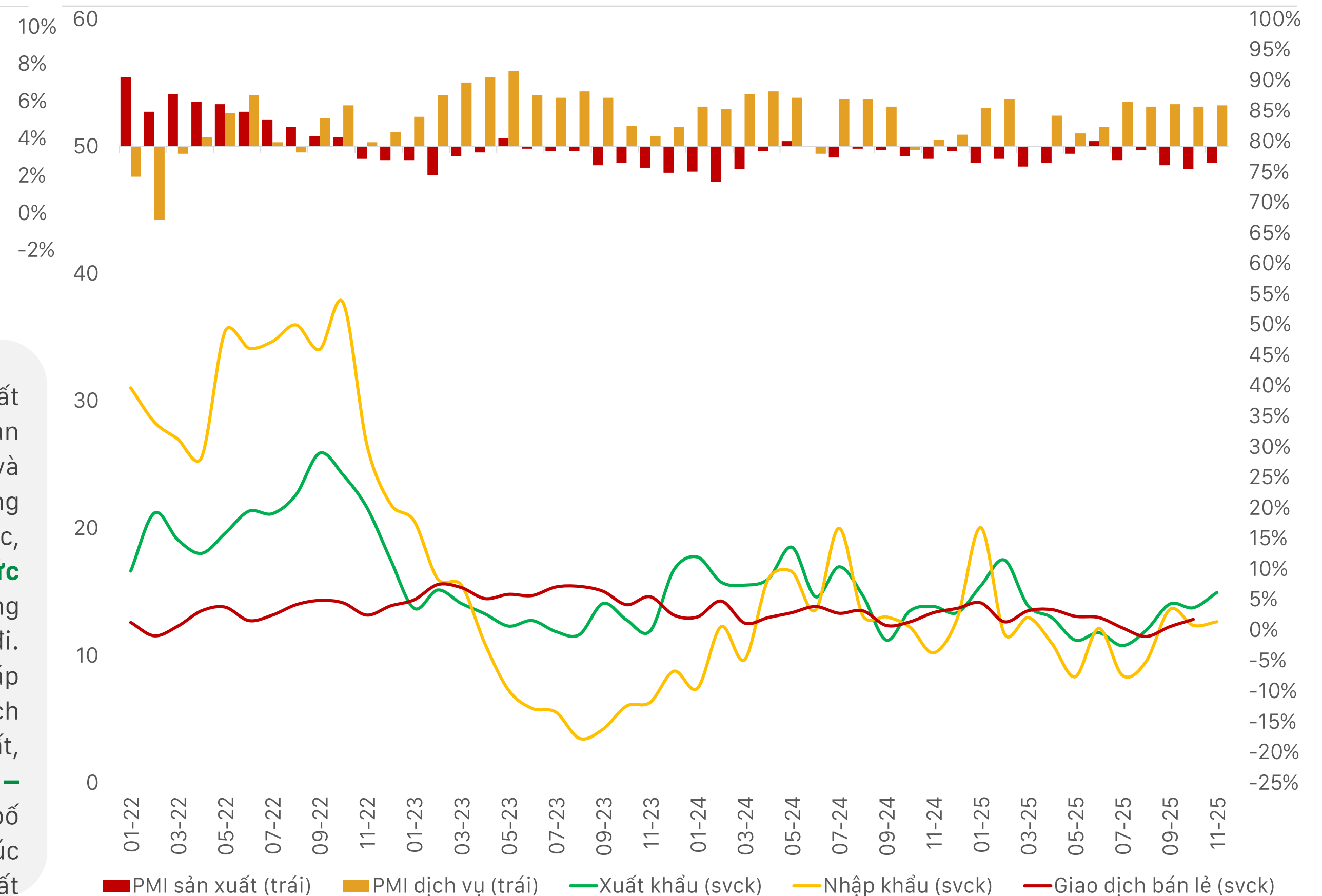
Nền kinh tế Nhật Bản đang bước vào giai đoạn phục hồi với nhiều dấu hiệu đan xen: sản xuất và xuất khẩu thể hiện sức mạnh rõ rệt nhờ nhu cầu trong nước và khu vực châu Á, nhưng áp lực lạm phát và lựa chọn chính sách tiền tệ vẫn còn phức tạp. Sự giảm tốc lạm phát tổng thể dưới mức mục tiêu 2 % đặt BoJ vào thế cân bằng giữa việc hỗ trợ tăng trưởng và phòng nguy cơ giảm phát tái diễn — điều có thể làm trì hoãn những bước nâng lãi suất thêm trong ngắn hạn để tránh bóp nghẹt đà phục hồi mới. Chính sách tài khóa đang trở thành trụ đỡ quan trọng đối với triển vọng 2026, thể hiện qua các kế hoạch kích thích đầu tư chiến lược và trợ giá tiêu dùng; tuy nhiên, những biện pháp này phải được điều phối cẩn trọng với mục tiêu kiểm soát nợ công đang ở mức cao. Dự báo ngắn hạn (Q1–Q2/2026): Tăng trưởng GDP có thể tiếp tục duy trì ở mức dương nhưng khiêm tốn, hỗ trợ bởi sản xuất, xuất khẩu và đầu tư công. Lạm phát tổng thể vẫn lọt dưới 2 %, làm dịu kỳ vọng tăng lãi mạnh của BoJ, trong khi lạm phát dịch vụ vẫn còn lực giữ mục tiêu. Chính sách tài khóa tiếp tục là động lực quan trọng hỗ trợ chi tiêu và đầu tư dài hạn.

BoJ tiếp tục lộ trình bình thường hóa chính sách tiền tệ.



1. Hoạt động sản xuất – xuất khẩu cải thiện rõ nét. Báo cáo PMI gần nhất cho thấy ngành sản xuất Nhật Bản mở rộng nhanh nhất trong gần 4 năm, với PMI sản xuất đạt 52,8 trong tháng 02/2026, phản ánh đà tăng đơn hàng mới và sản lượng phục hồi, đặc biệt trong các ngành công nghệ như bán dẫn và AI. Đây là dấu hiệu tích cực cho tăng trưởng kinh tế ngắn hạn. Bên cạnh đó, xuất khẩu Nhật Bản tăng gần 17 % trong tháng 01/2026, dẫn đầu bởi nhu cầu mạnh từ Trung Quốc và các thị trường châu Á khác, cho thấy thương mại hàng hóa vẫn là đầu kéo chính cho GDP. **2. Lạm phát hạ nhiệt và thách thức chính sách tiền tệ.** Dữ liệu CPI cho thấy lạm phát tổng thể giảm xuống khoảng 1,5 % trong tháng 01/2026, lần đầu dưới mục tiêu 2 % kể từ năm 2022, chủ yếu do giá thực phẩm và năng lượng mềm đi. Đồng thời, lạm phát lõi (không tính thực phẩm tươi sống) vẫn ở gần mục tiêu khoảng 2 %, cho thấy áp lực giá giảm và dịu nhưng chưa hoàn toàn thoát khỏi rủi ro giảm phát. Sự sụt giảm này tạo ra thách thức cho Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) trong việc quyết định thời điểm tiếp tục tăng lãi suất, khi áp lực giá tổng thể yếu hơn nhưng nền tảng lạm phát dịch vụ vẫn ổn. **3. Chính sách tài khóa – chiến lược tăng trưởng mới.** Chính phủ Nhật Bản dưới thời Thủ tướng Sanae Takaichi đã công bố chuyển hướng mạnh từ thắt lưng buộc bụng sang chính sách tài khóa chủ động hơn, với cam kết thúc đẩy đầu tư dài hạn, giảm thuế tiêu dùng tạm thời và tập trung vào các lĩnh vực chiến lược như AI, chất bán dẫn và đóng tàu nhằm tái kích hoạt động lực tăng trưởng.

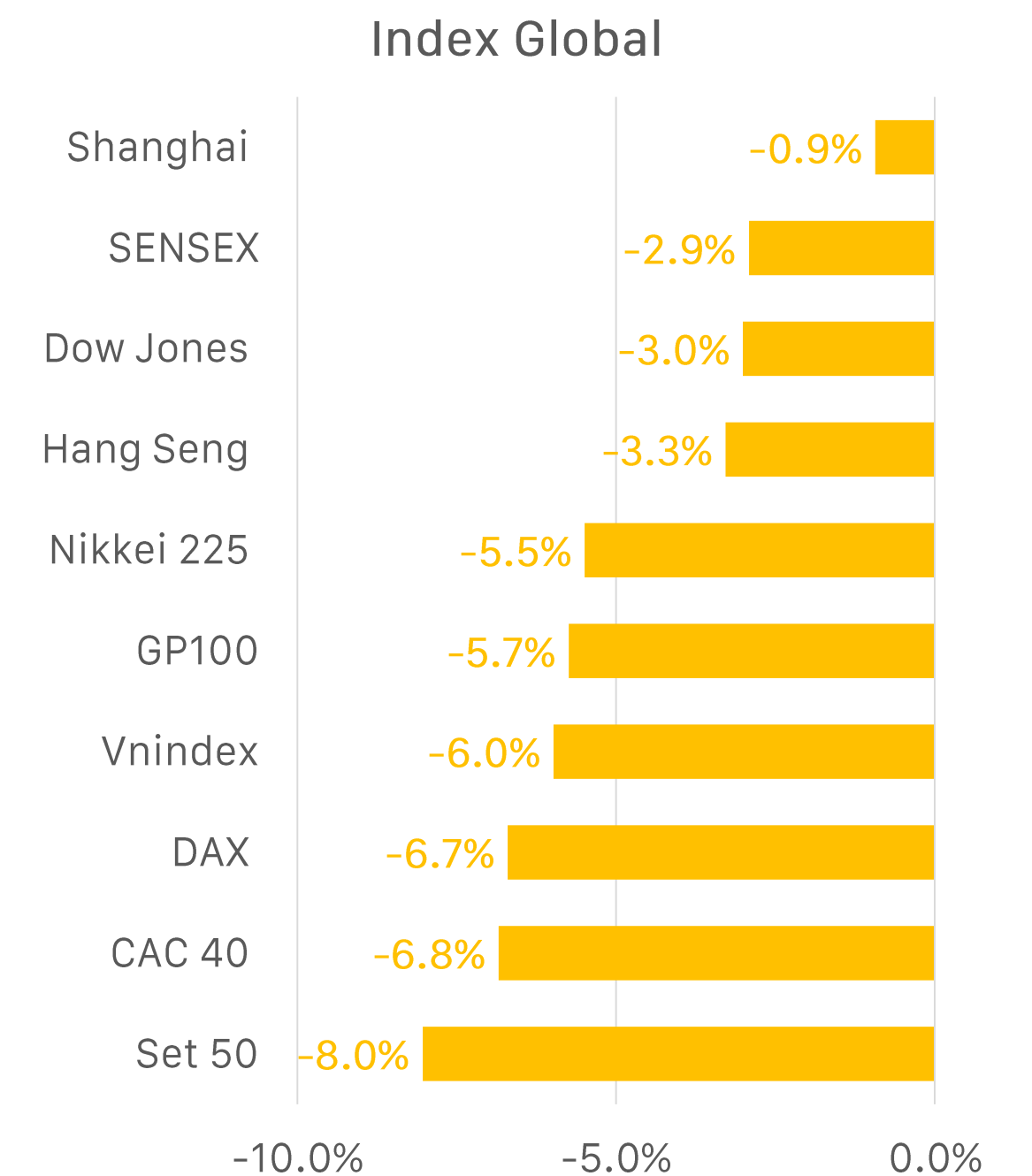
Tăng trưởng kinh tế phục hồi nhẹ nhưng thiếu bứt phá



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Chỉ số	Đóng cửa	1 Tuần	1 Tháng	Từ đầu năm	1 Năm
Gold	5,158.89	-2.3%	2.0%	19.4%	77.2%
WTI/USD	90.90	35.6%	41.2%	58.3%	35.6%
Bitcoin	67,982	1.5%	-3.2%	-22.3%	-21.1%
Dow Jones	47,502	-3.0%	-5.3%	-1.2%	11.0%
S&P 500	6,740	-2.0%	-3.2%	-1.5%	16.8%
Nasdaq	24,643	-1.3%	-2.5%	-2.4%	22.0%
GP100	10,285	-5.7%	-1.0%	3.6%	18.5%
DAX	23,591	-6.7%	-5.7%	-3.7%	2.5%
CAC 40	7,993	-6.8%	-4.0%	-1.9%	-1.6%
Euro Stoxx 50	5,732	-6.6%	-5.4%	-1.0%	4.8%
Nikkei 225	55,621	-5.5%	-1.3%	10.5%	50.8%
Shanghai	4,124	-0.9%	0.0%	3.9%	22.3%
Hang Seng	25,757	-3.3%	-4.7%	0.5%	6.3%
Vnindex	1,768	-6.0%	0.7%	-0.9%	33.3%
VND/USD	938	-8.0%	-0.5%	12.2%	22.9%
DXY	26,240	0.8%	1.1%	-0.2%	3.0%



- Tuần giao dịch từ 2-6/3 ghi nhận nhiều biến động trên thị trường tài chính toàn cầu khi yếu tố địa chính trị và giá năng lượng tăng mạnh chi phối tâm lý nhà đầu tư. Trên thị trường Mỹ, các chỉ số chính có xu hướng điều chỉnh trong phần lớn tuần. Áp lực chủ yếu đến từ việc giá dầu tăng mạnh và lo ngại lạm phát quay trở lại khi căng thẳng tại Trung Đông leo thang. Phiên cuối tuần 6/3, chỉ số DJ giảm mạnh về 47,501 – giảm -3% trong tuần. Dòng tiền có xu hướng chuyển sang các nhóm cổ phiếu phòng thủ như năng lượng, quốc phòng, trong khi nhóm công nghệ và hàng không chịu áp lực bán.
- Bitcoin có tuần biến động mạnh nhưng vẫn giữ được vùng giá cao. Trong tuần, giá có lúc chạm khoảng 71.000–72.000 USD trước khi quay đầu giảm nhẹ do áp lực chốt lời và sự thận trọng của nhà đầu tư. Nhìn chung, Bitcoin vẫn cho thấy trạng thái tích lũy và giằng co giữa kỳ vọng phục hồi và rủi ro từ môi trường vĩ mô.
- Đối với vàng, diễn biến trong tuần khá thất thường. Đầu tuần, kim loại quý tăng mạnh có thời điểm giá vượt 5.300 USD/ounce. Tuy nhiên, áp lực từ đồng USD mạnh và hoạt động chốt lời đã khiến giá vàng giảm mạnh sau đó, Sự đảo chiều nhanh cho thấy dòng tiền vẫn đang phản ứng mạnh với các yếu tố địa chính trị và kỳ vọng chính sách tiền tệ.

ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



THANH KHOẢN VND ĐƯỢC DUY TRÌ DỒI DÀO — DXY SUY GIẢM, USD/VND HẠ NHIỆT; NHNN CAN THIỆP CÓ CHỌN LỘC



Tỷ giá và thị trường ngoại hối Việt Nam tiếp tục thể hiện một trạng thái đánh đổi giữa ổn định tỉ giá và nhu cầu bảo đảm thanh khoản. Thanh khoản trong nước đang được hỗ trợ bằng nghiệp vụ thị trường mở (OMO) khi NHNN duy trì bơm ròng đầu năm 2026, nhưng USD/VND vẫn neo ở mức cao tương đối do áp lực từ đồng USD mạnh toàn cầu (DXY) và kỳ vọng chính sách tiền tệ ở Mỹ. Kết luận ngắn & khuyến nghị Kịch bản cơ sở (Q1/2026): USD/VND tiếp tục dao động hẹp quanh mức hiện tại, NHNN duy trì bơm ròng OMO để ổn định thanh khoản; can thiệp FX nếu có cú sốc lớn từ DXY. Rủi ro trái chiều: Nếu DXY tăng mạnh hơn do bất ngờ dữ liệu kinh tế Mỹ hoặc thay đổi kỳ vọng chính sách Fed, USD/VND có thể chịu áp lực tăng trở lại. Ưu tiên theo dõi (thời gian tới): Diễn biến DXY & dữ liệu việc làm/làm phát Mỹ (ảnh hưởng kỳ vọng Fed). Quy mô và kỳ hạn các phiên bơm ròng OMO của NHNN (ảnh hưởng thanh khoản ngắn hạn). Cầu ngoại tệ thương mại/hedging của doanh nghiệp và luồng FDI/ngân hàng (áp lực cung-cầu ngoại hối).

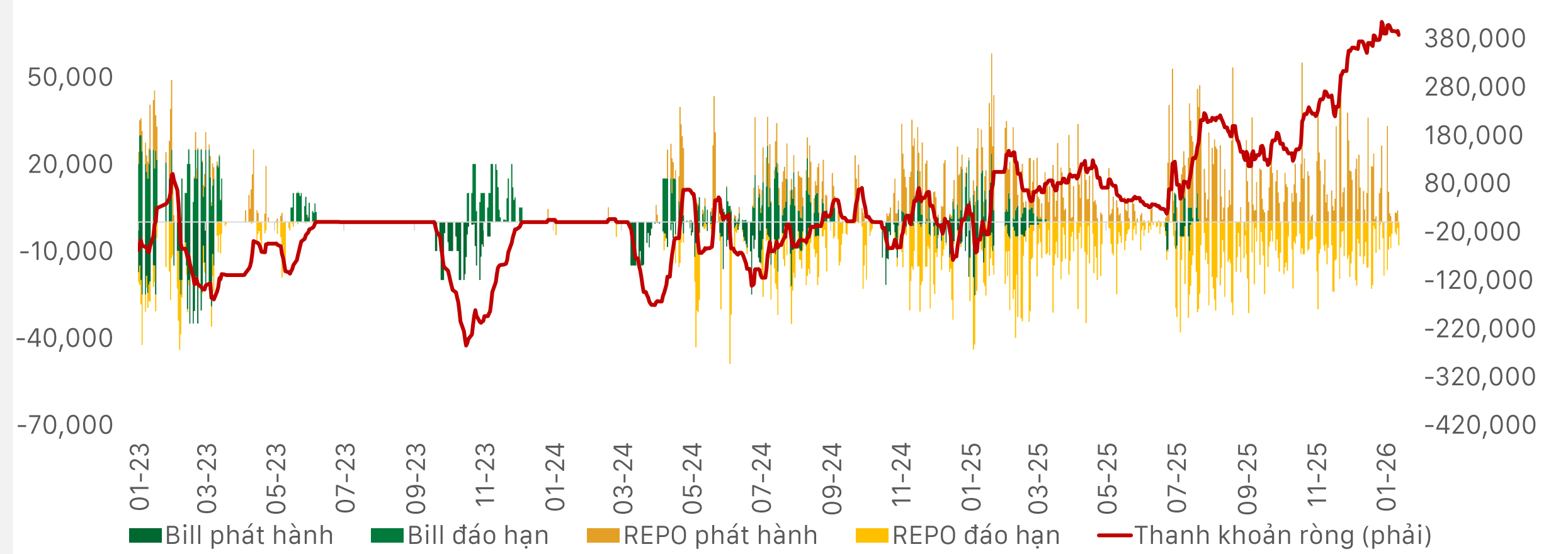
DXY duy trì ở vùng thấp — kỳ vọng Fed chưa chuyển sang hạ lãi suất rõ ràng. DXY có xu hướng phục hồi/ổn định trở lại đầu 2026, khiến USD toàn cầu giữ sức mạnh hơn so với kỳ vọng hạ lãi suất nhanh của thị trường. Thị trường hiện nhìn nhận Fed ở thế giữ quan điểm thận trọng/halted (nhiều tổ chức lùn kỳ vọng cắt giảm lãi suất sang nửa sau 2026), vì dữ liệu việc làm và lạm phát chưa tạo đủ bằng chứng để thúc đẩy cắt sớm. Điều này là động lực chính khiến DXY vẫn duy trì ở mức tương đối cao trong đầu năm. **NHNN duy trì “nới lỏng có kiểm soát” — tiếp tục bơm ròng OMO, ưu tiên ổn định thanh khoản.** NHNN tiếp tục vận hành OMO chủ động trong phiên đầu năm 2026 với bơm ròng hàng chục nghìn tỷ đồng (ví dụ ghi nhận bơm ~33,151 tỷ đồng thông qua nghiệp vụ cho vay cầm cố giấy tờ có giá; phiên đầu năm có ghi nhận bơm ròng gần 17 nghìn tỷ đồng). Mục tiêu rõ ràng là giữ ổn định lãi suất liên ngân hàng và đảm bảo thanh khoản hệ thống, đồng thời để ngỏ công cụ can thiệp FX nếu cần. Diễn biến này cho thấy NHNN ưu tiên ổn định trong nước và duy trì công cụ linh hoạt để ứng phó với áp lực bên ngoài. **USD/VND: neo cao nhưng có dấu hiệu “hạ nhiệt” biến động ngắn hạn.** Thực tế thị trường từ đầu 01/2026 đến nay cho thấy USD/VND giao dịch quanh ~26,250–26,320 với các dao động intraday nhỏ; so với 01/01/2026 mức trung bình chưa tăng đột biến mà có xu hướng dao động hẹp hơn nhờ thanh khoản trong nước được hỗ trợ. Tuy nhiên, vì DXY vẫn tương đối mạnh, rủi ro bật lên của USD/VND vẫn hiện hữu nếu khối cầu ngoại tệ thương mại/hedging gia tăng.

DXY đang biến động duy trì ở vùng thấp

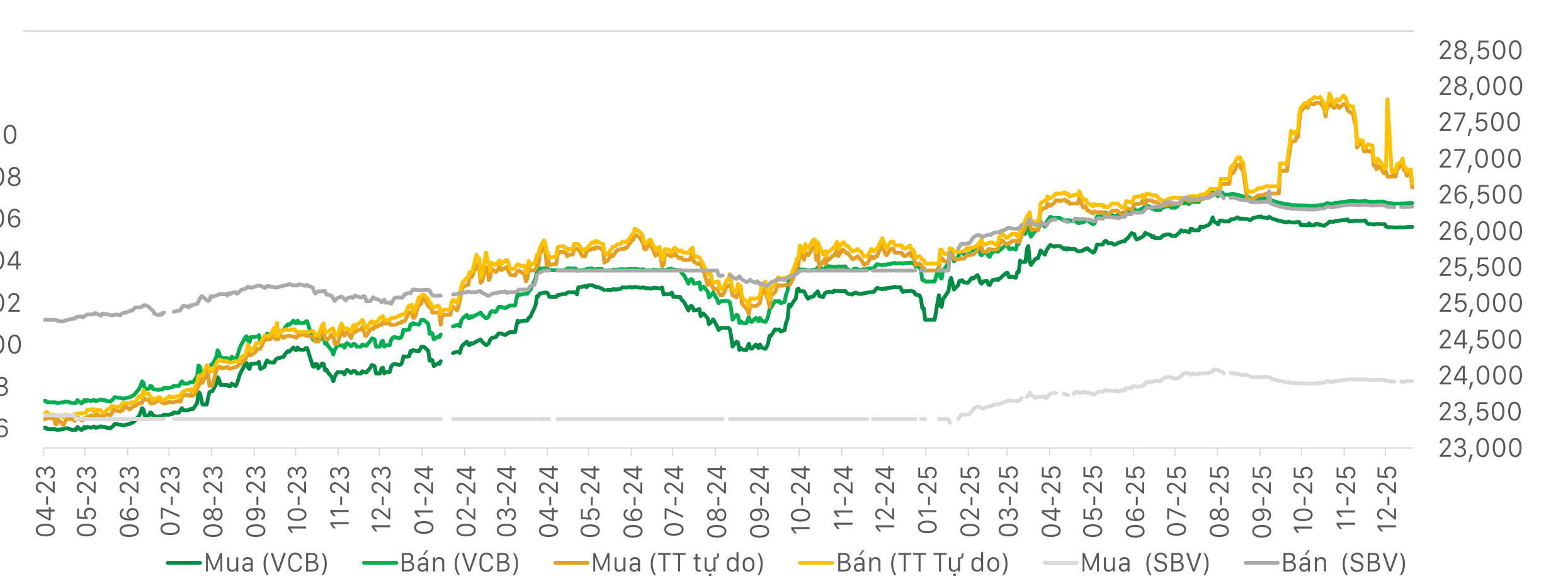


NHNN duy trì vận hành “nới lỏng có kiểm soát” — tiếp tục bơm ròng OMO

Đơn vị: Nghìn Tỷ VND



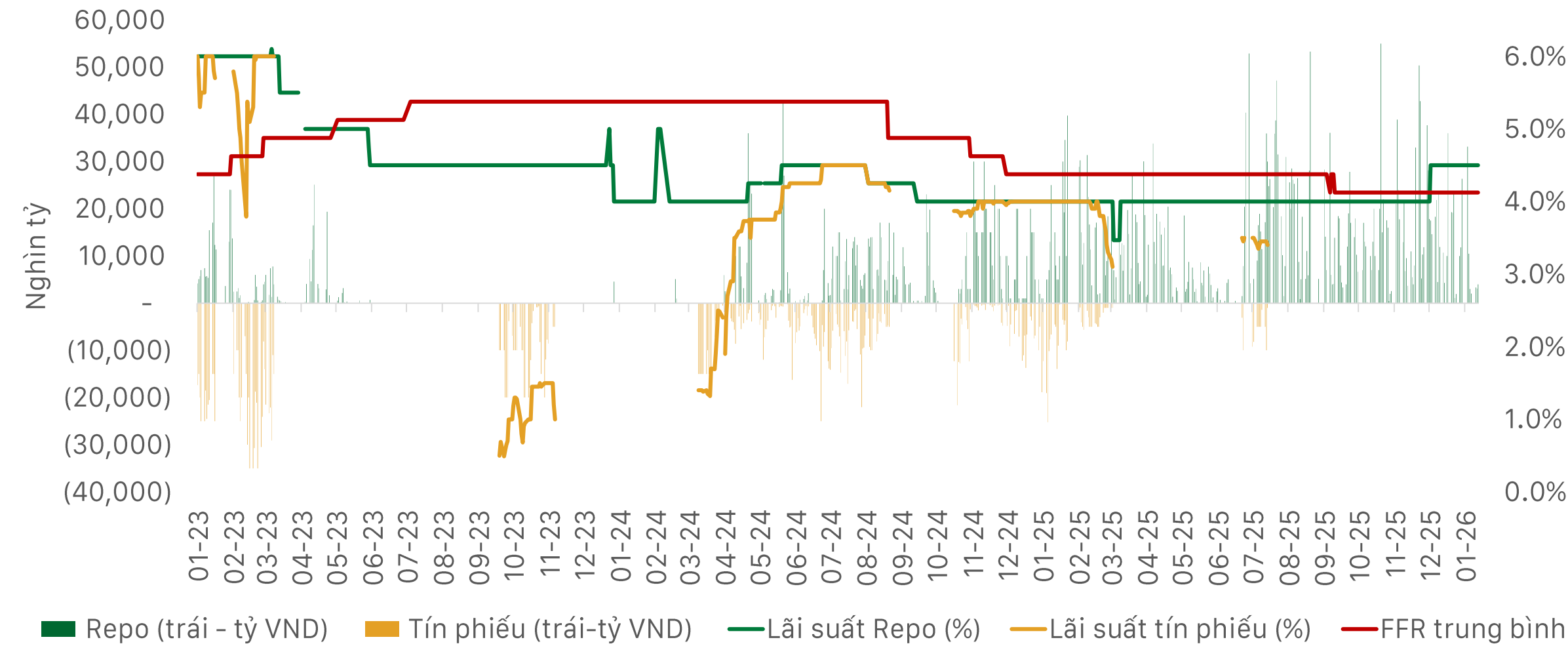
USD/VND có dấu hiệu hạ nhiệt. Đơn vị: VND/USD



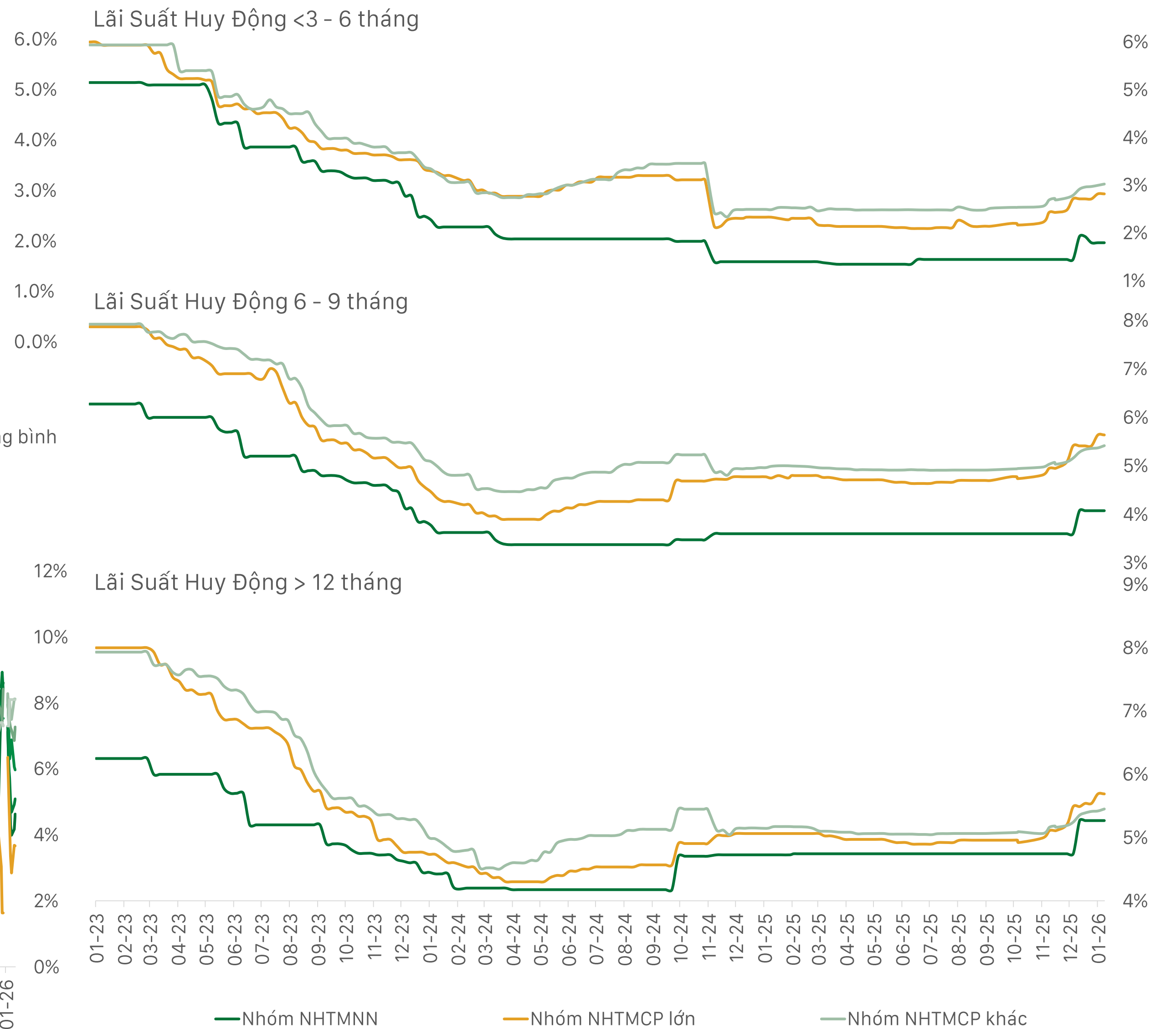
LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG BIẾN ĐỘNG MẠNH – NHNN TÍCH CỰC KIỂM SOÁT QUA THỊ TRƯỜNG MỞ



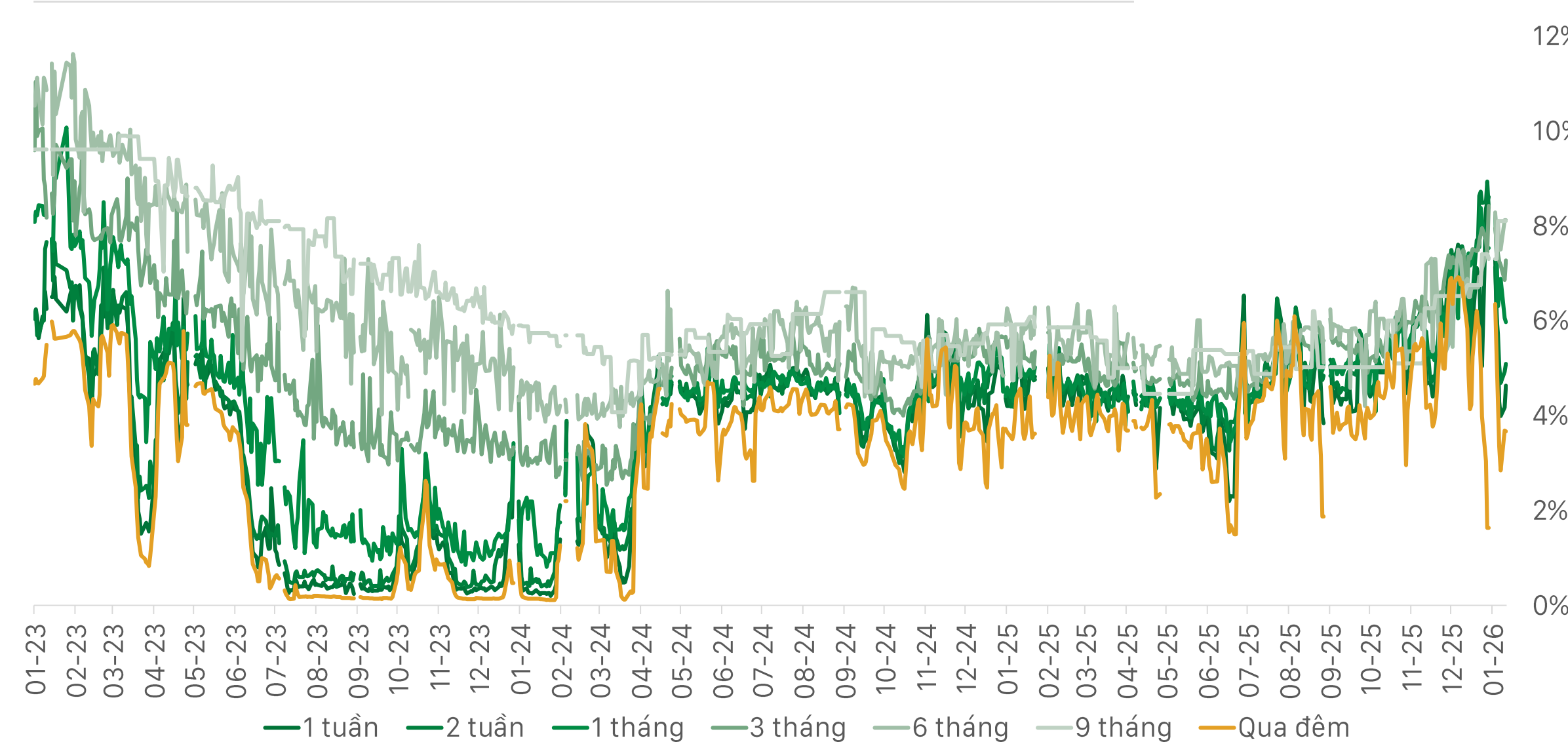
NHNN bơm mạnh Repo trở lại



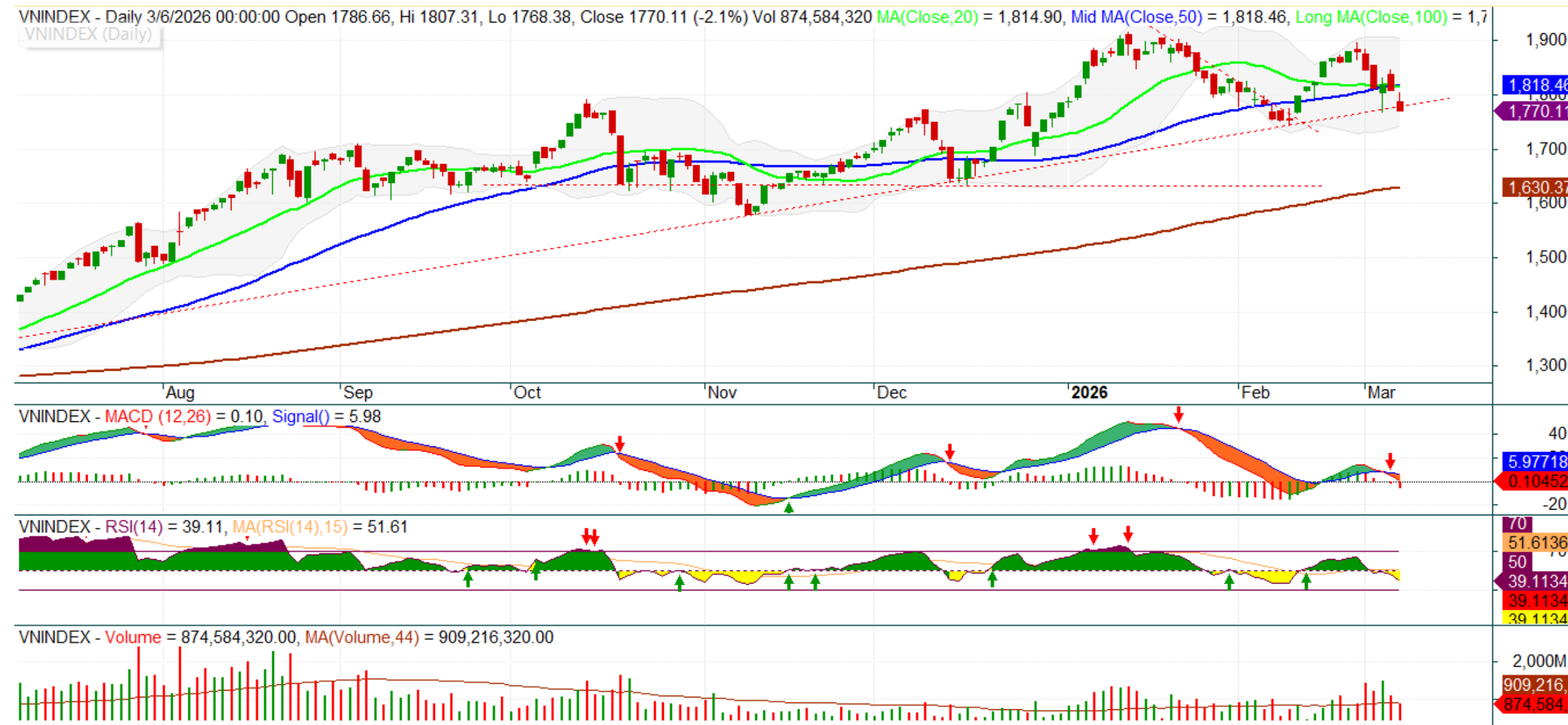
Mặt bằng lãi suất huy động có tăng nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức thấp.



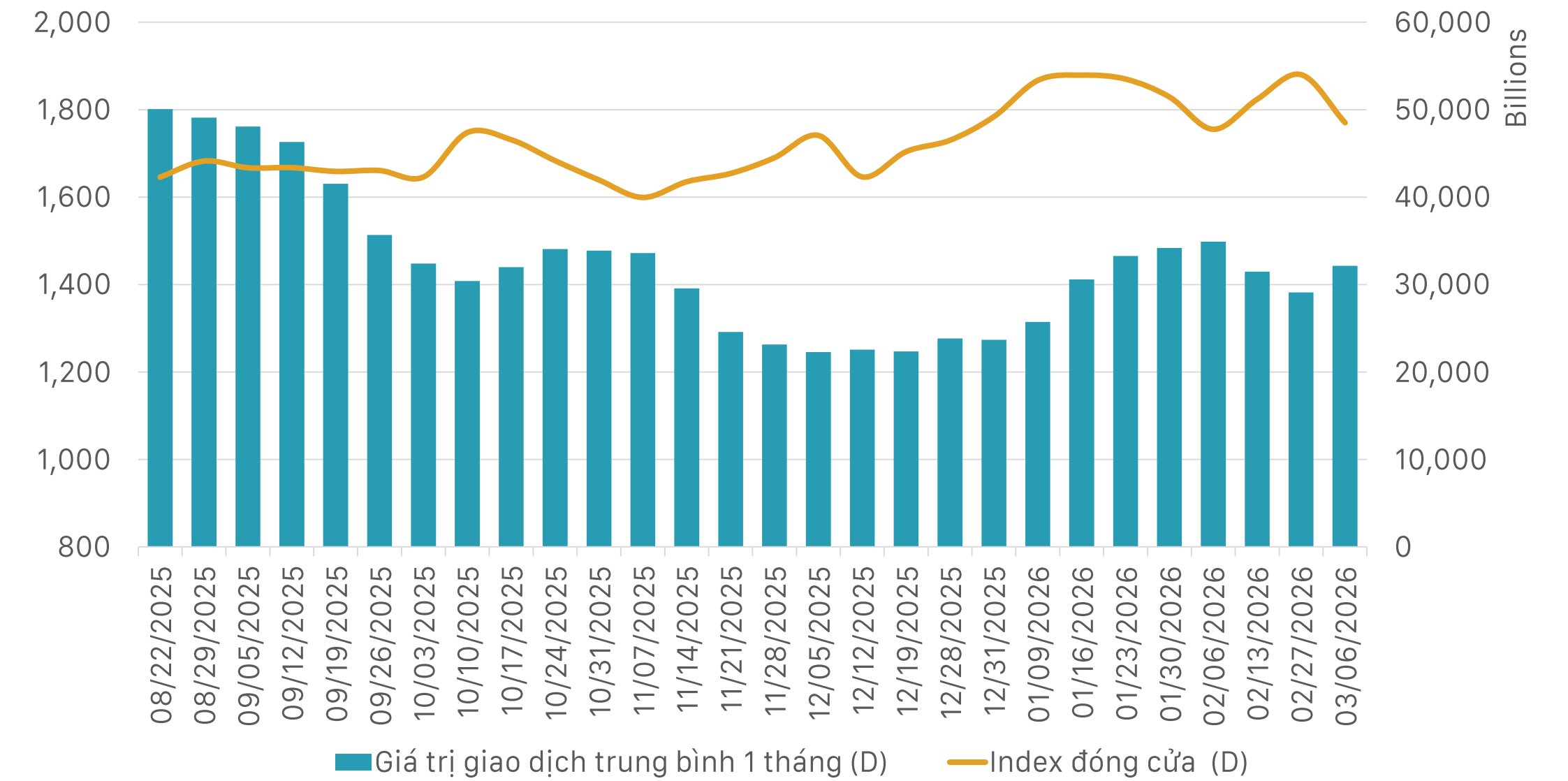
Lãi suất liên ngân hàng biến động nhưng được kiểm soát tốt



Đồ thị ngày VN-Index

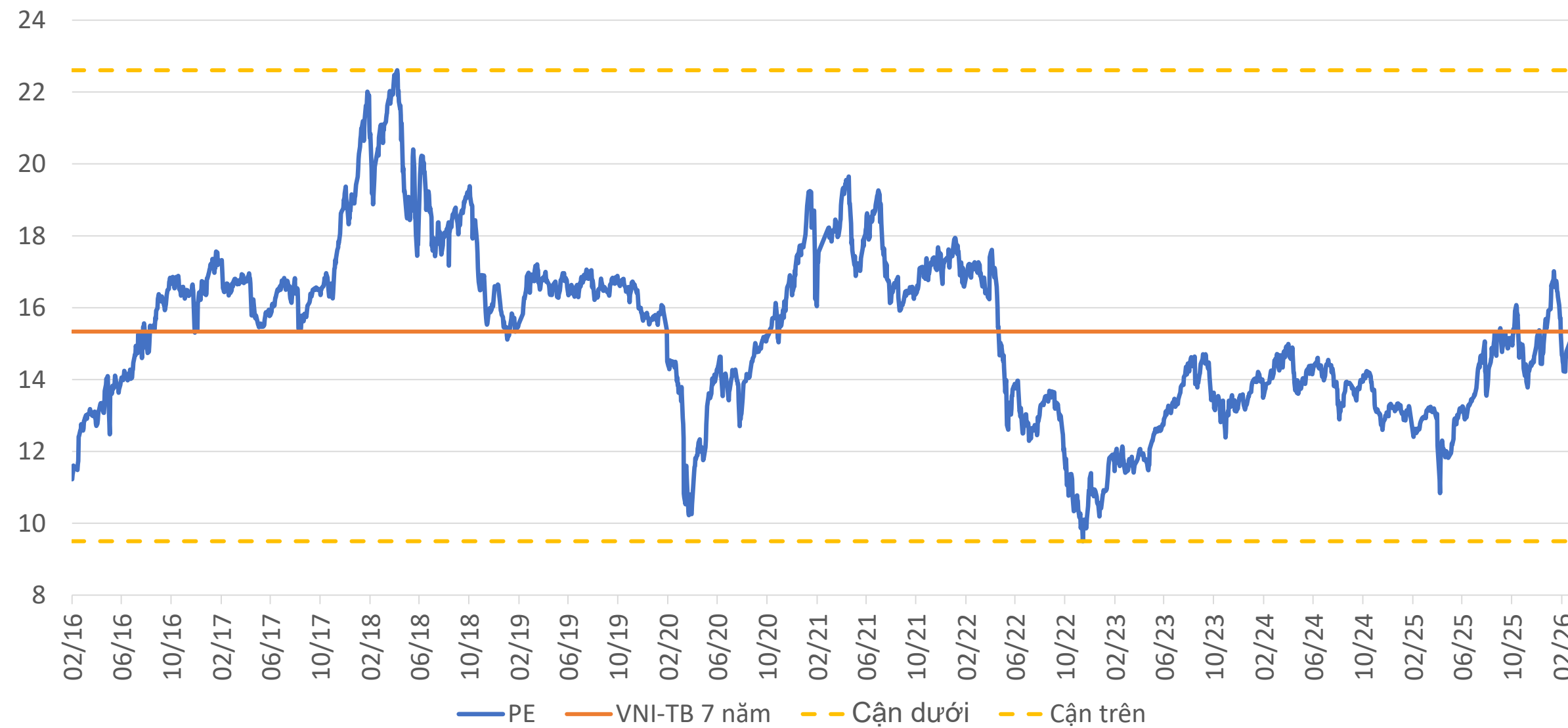


Thanh khoản đạt đỉnh cao nhất

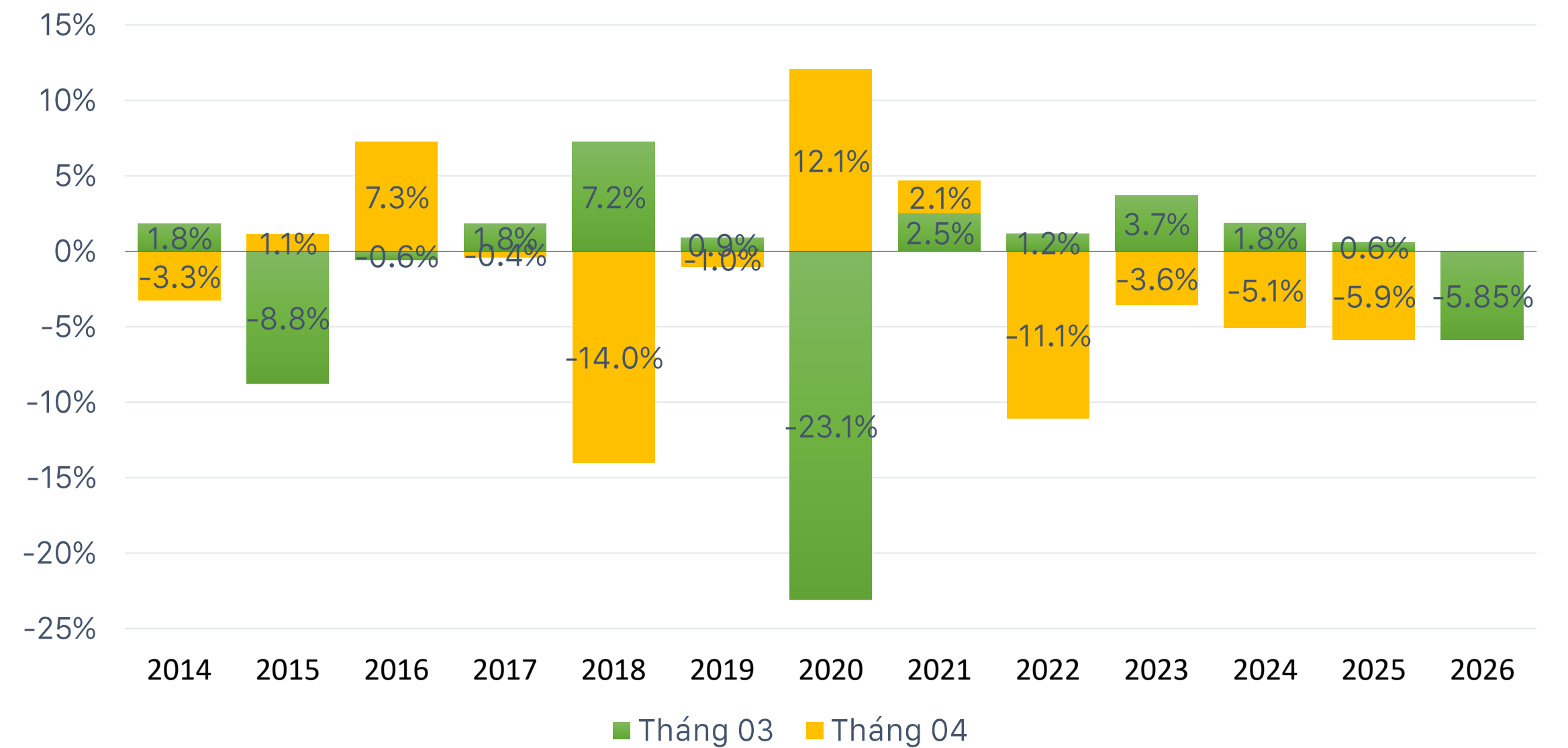


- Tuần giao dịch từ 2-6/3, thị trường Việt Nam ghi nhận biến động mạnh khi áp lực bán gia tăng trên diện rộng sau giai đoạn tăng nóng trước đó. Kết tuần, VN-Index giảm khoảng 112 điểm (-5,98%) xuống quanh 1.770, đánh mất mốc tâm lý 1.800 điểm. Thanh khoản tăng mạnh so với tuần trước cho thấy hoạt động chốt lời và cắt giảm rủi ro diễn ra quyết liệt, trong bối cảnh các yếu tố quốc tế bất ổn và tâm lý nhà đầu tư trở nên thận trọng hơn.
- Diễn biến thị trường cho thấy áp lực giảm lan rộng ở phần lớn các nhóm ngành. Các cổ phiếu vốn hóa lớn trong rổ VN30 suy yếu đáng kể, đặc biệt là nhóm bất động sản, công nghệ, bán lẻ, hàng không và tài chính. Nhiều phiên giao dịch xuất hiện trạng thái bán mạnh về cuối phiên, kéo chỉ số lùi sâu và khiến các chỉ báo kỹ thuật phát tín hiệu suy yếu ngắn hạn. Điểm sáng hiếm hoi của thị trường tuần qua nằm ở các nhóm hưởng lợi từ biến động giá hàng hóa toàn cầu. Cổ phiếu dầu khí, phân bón và hóa chất thu hút dòng tiền và có diễn biến tích cực nhờ giá dầu và nguyên liệu đầu vào tăng mạnh trong bối cảnh rủi ro nguồn cung năng lượng. Một số mã trong các nhóm này tăng ngược xu hướng chung của thị trường, cho thấy sự dịch chuyển dòng tiền sang các ngành có tính phòng thủ và hưởng lợi chu kỳ hàng hóa.

PE thị trường hiện quanh 14 thấp hơn giai đoạn 2022



Diễn biến Vnindex qua các tháng 01,02 từ 2014

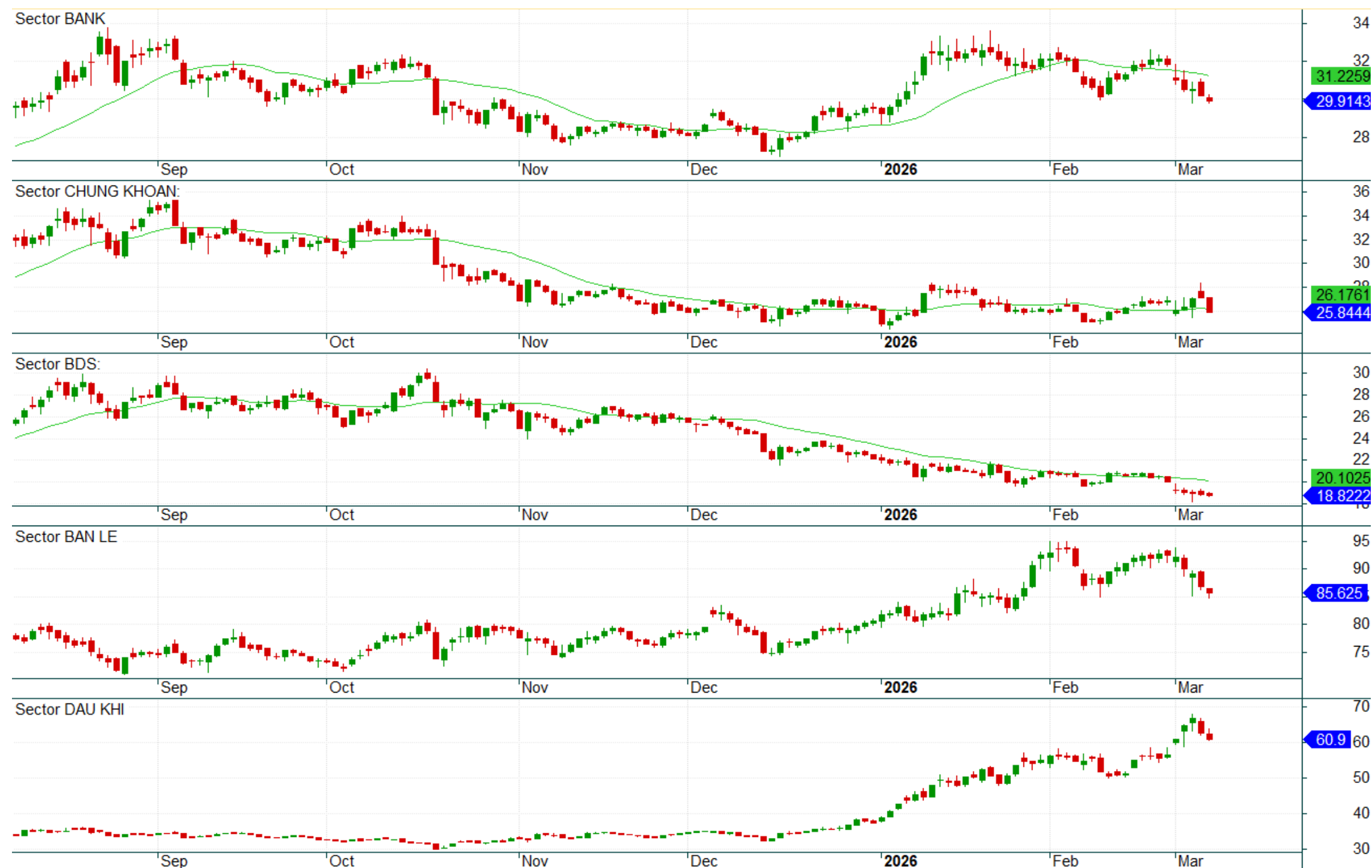


- Với tuần lễ biến động mạnh trong tuần vừa qua, chỉ số PE thị trường cũng biến động mạnh và rơi về dưới 15 khi hàng loạt cổ phiếu lớn giảm từ 5%-15% trong tuần. Trong nhóm Bigcap hiện tại còn một số cổ phiếu đặc biệt có PE cao trên 50 như VIC, VPL hay VJC khoảng 44. Còn lại PE trung bình của nhóm vốn hóa lớn gần xấp xỉ quanh 15 – tương đồng PE chung cả thị trường. Đặc biệt nhóm ngân hàng có PE chỉ khoảng 10.
- Về chu kỳ dòng tiền, thị trường thường duy trì xu hướng tích cực trong các tháng đầu năm nhờ dòng vốn được kích hoạt từ cuối năm trước và kéo dài đến trước kỳ nghỉ Tết Nguyên đán. Các đợt tăng mạnh của thị trường thường tập trung vào 3 tháng đầu năm. Tuy nhiên năm nay với biến động chính trị quốc tế đã gây ảnh hưởng diện rộng và Việt Nam cũng bị tác động đáng kể. Đặc biệt trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam đã có chuỗi tăng mạnh trong năm 2025. Tháng 3 chỉ mới trải qua 1/3 nhưng chỉ số Vnindex đã điều chỉnh -5% và khả năng còn tiếp tục giảm thêm ít nhất vài phiên trước khi tìm điểm cân bằng mới.

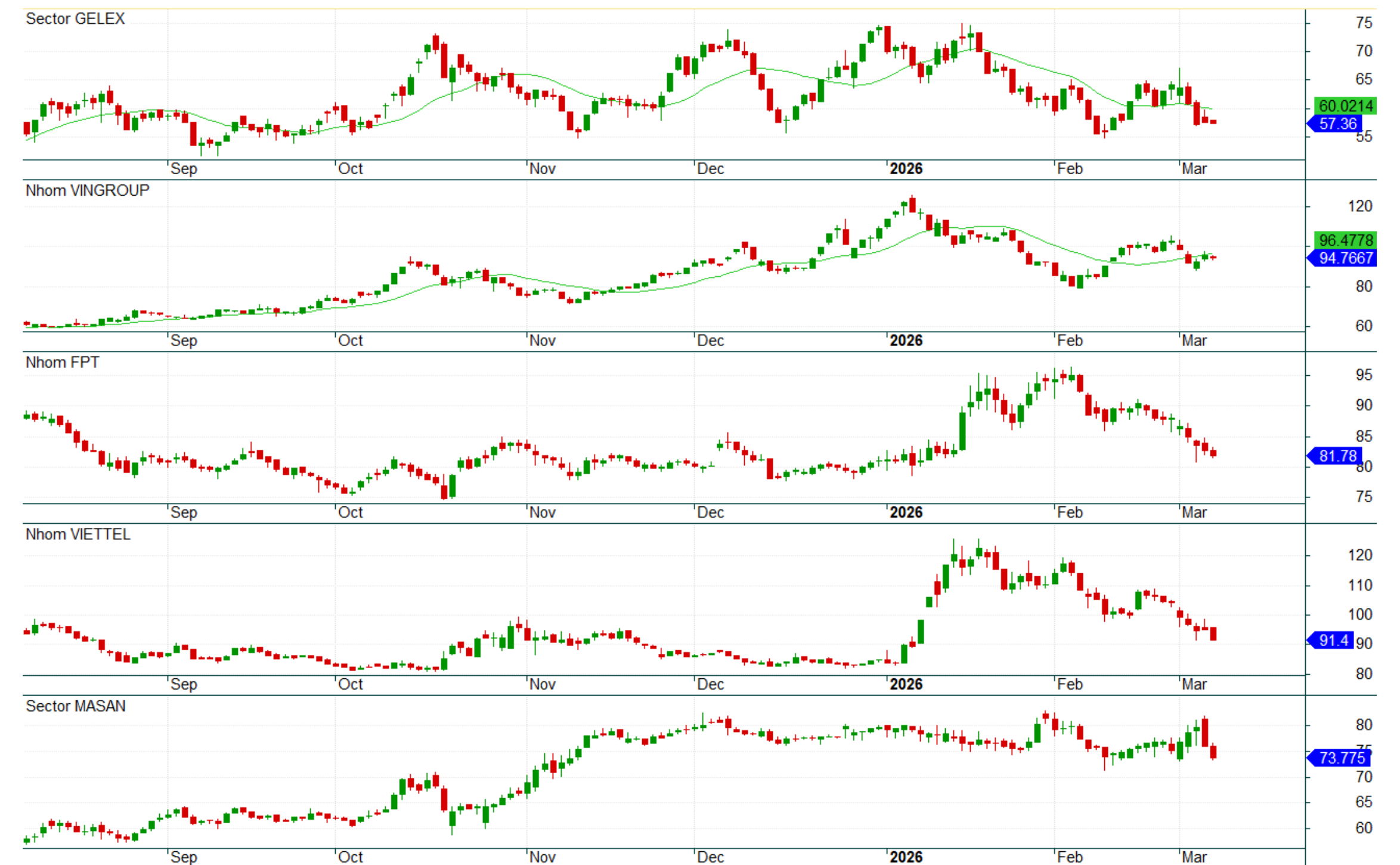
- **Nhóm ngân hàng** hầu hết đều giảm trung bình -6% trong đó TCB, TPB, BID giảm sâu nhất. STB, SSB, LPB giữ giá tốt. **Nhóm chứng khoán** lại tạo sóng tốt ở VND, VCI, HCM, SSI . **Nhóm BĐS** vẫn khá yếu và giảm hơn -5% trong tuần.
- **Nhóm bán lẻ** giảm khá mạnh ở nhóm đầu ngành như MWG, DGW. **Nhóm dầu khí** mạnh mẽ nhất ở nhóm dẫn đầu như BSR, GAS, PVD, PVS với mức tăng trung bình đến 15% trong tuần. Khả năng dòng tiền tiếp tục giao dịch mạnh ở nhóm dầu khí

- **Nhóm Gelex** giảm theo xu hướng chung thị trường tuy nhiên mức giảm trung bình chỉ khoảng 2%. **Nhóm VINGROUP** có VIC, VHM giảm mạnh về cuối tuần nhưng là nhóm thu hút dòng tiền mạnh nhất
- **Nhóm FPT** tiếp tục giảm sâu ở FPT, FOC đặc biệt khi áp lực bán rông từ khối ngoại.
- **Nhóm Viettel** tiếp tục trạng thái giảm sâu ở VTP, CTR, VGI. **Nhóm MASAN** cũng bị bán mạnh sau khi không trụ vững ở hỗ trợ mạnh trước đó.

Giá trung bình nhóm FPT, Gelex, Viettel, Vingroup



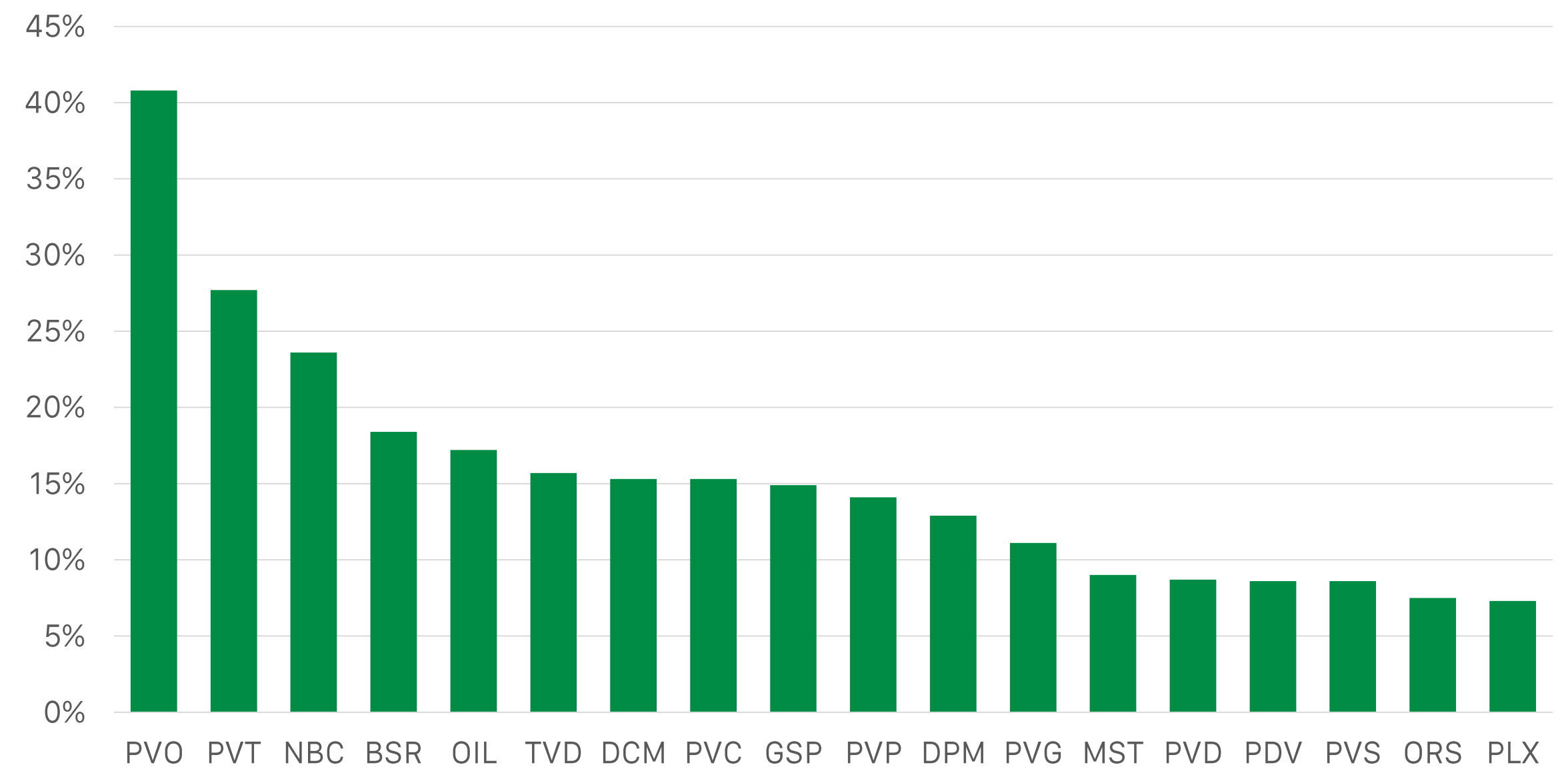
Giá trung bình nhóm Bank, BĐS, Chứng khoán, Khu công nghiệp



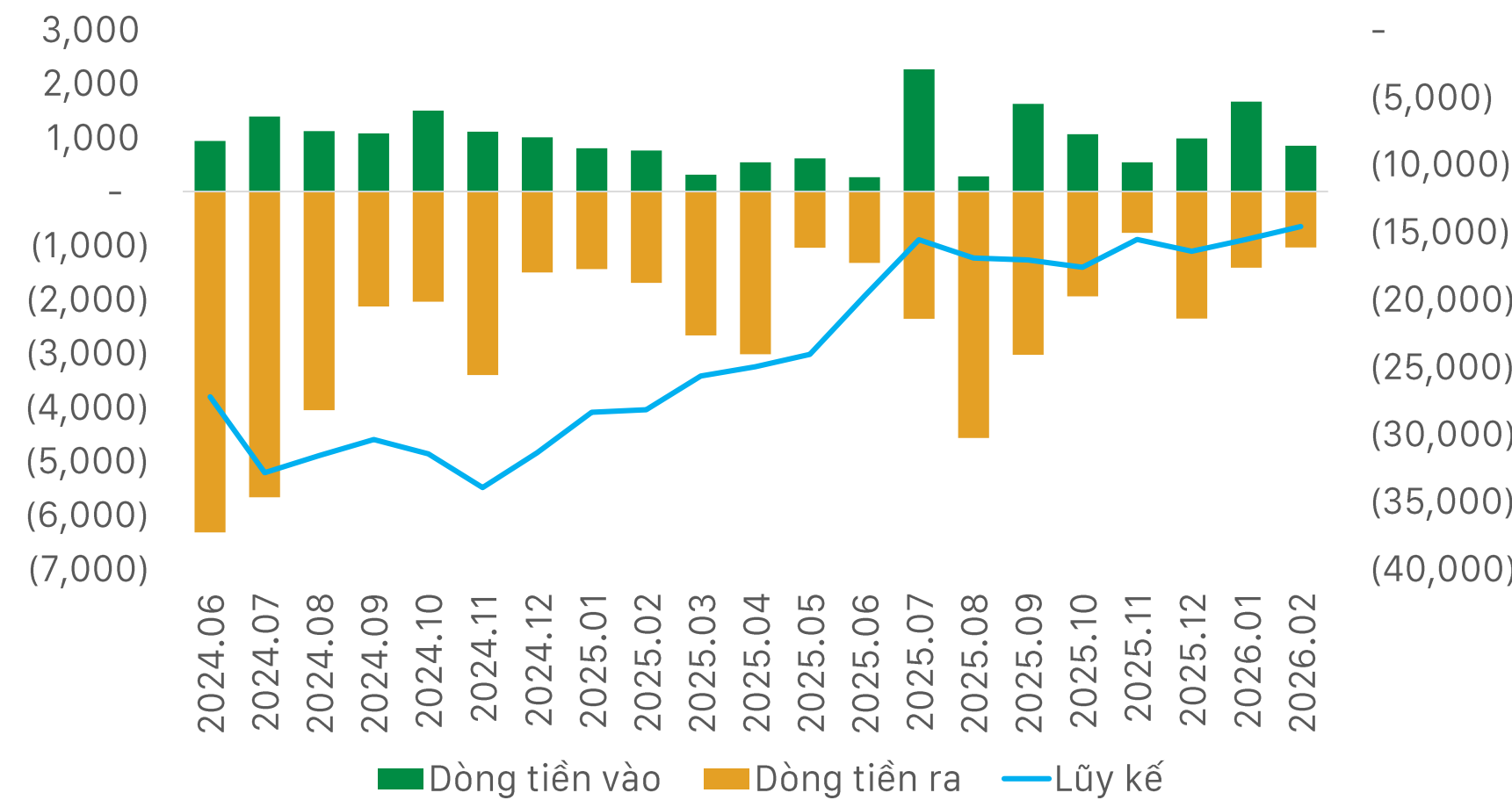
Chỉ số / Ngành	Index	P/E	% 1 tuần	% 1 tháng
VNINDEX	1,767.84	14.27	-6.0%	0.7%
Ngân hàng	758.86	9.48	-6.4%	-4.2%
Dịch vụ tài chính	990.77	14.49	-5.0%	5.5%
Bất động sản	1,054.54	19.16	-8.6%	8.6%
Hóa chất	341.16	18.30	-0.7%	5.5%
Tài nguyên Cơ bản	526.76	17.09	-4.3%	5.1%
Ô tô và phụ tùng	361.62	6.73	-2.4%	2.2%
Bán lẻ	1,610.95	17.27	-10.2%	-5.6%
Hàng cá nhân & Gia dụng	183.01	10.83	-3.7%	3.1%
Viễn thông	1,225.26	26.75	-11.5%	-17.7%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	8,297.91	15.83	2.0%	1.2%
Dầu khí	190.03	28.09	14.2%	33.3%
Thực phẩm và đồ uống	800.97	17.09	-10.1%	-24.0%
Xây dựng và Vật liệu	356.95	9.46	-4.9%	-1.2%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	323.00	14.76	-5.6%	-3.6%
Y tế	1,090.89	17.20	-1.7%	-0.1%
Công nghệ Thông tin	694.64	14.78	-11.4%	-15.1%
Truyền thông	621.62	39.22	-4.8%	-4.0%
Bảo hiểm	453.49	15.47	-4.4%	-2.3%
Du lịch và Giải trí	41.66	24.61	-9.5%	-6.2%

- Trong tuần 2-6/3 chỉ số Vnindex giảm đến -6%, trong đó các nhóm bán lẻ, viễn thông, thực phẩm, công nghệ giảm hơn -10%.
- Nhóm dầu khí, hóa chất, y tế giữ giá tốt nhất trong đó một số cổ phiếu dầu khí vẫn đi ngược thị trường tăng trưởng
- Các cổ phiếu tăng nổi bật nhất trong tuần hầu hết là đến từ nhóm dầu khí, vận tải biển, hóa chất như PVO, PVT, BSR, OIL, DCM, DPM, PVD.

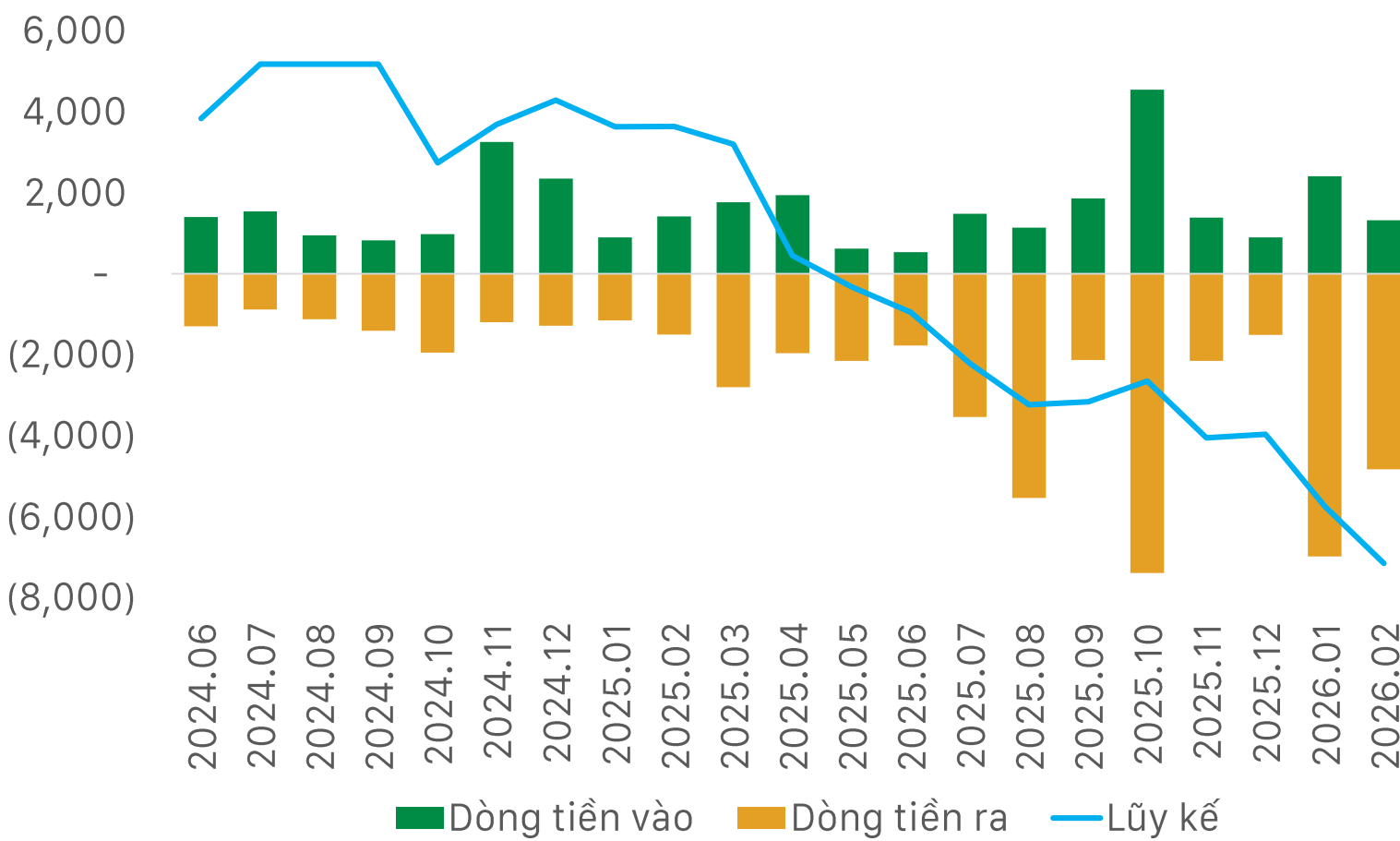
Cổ phiếu tăng tốt nhất trong tuần



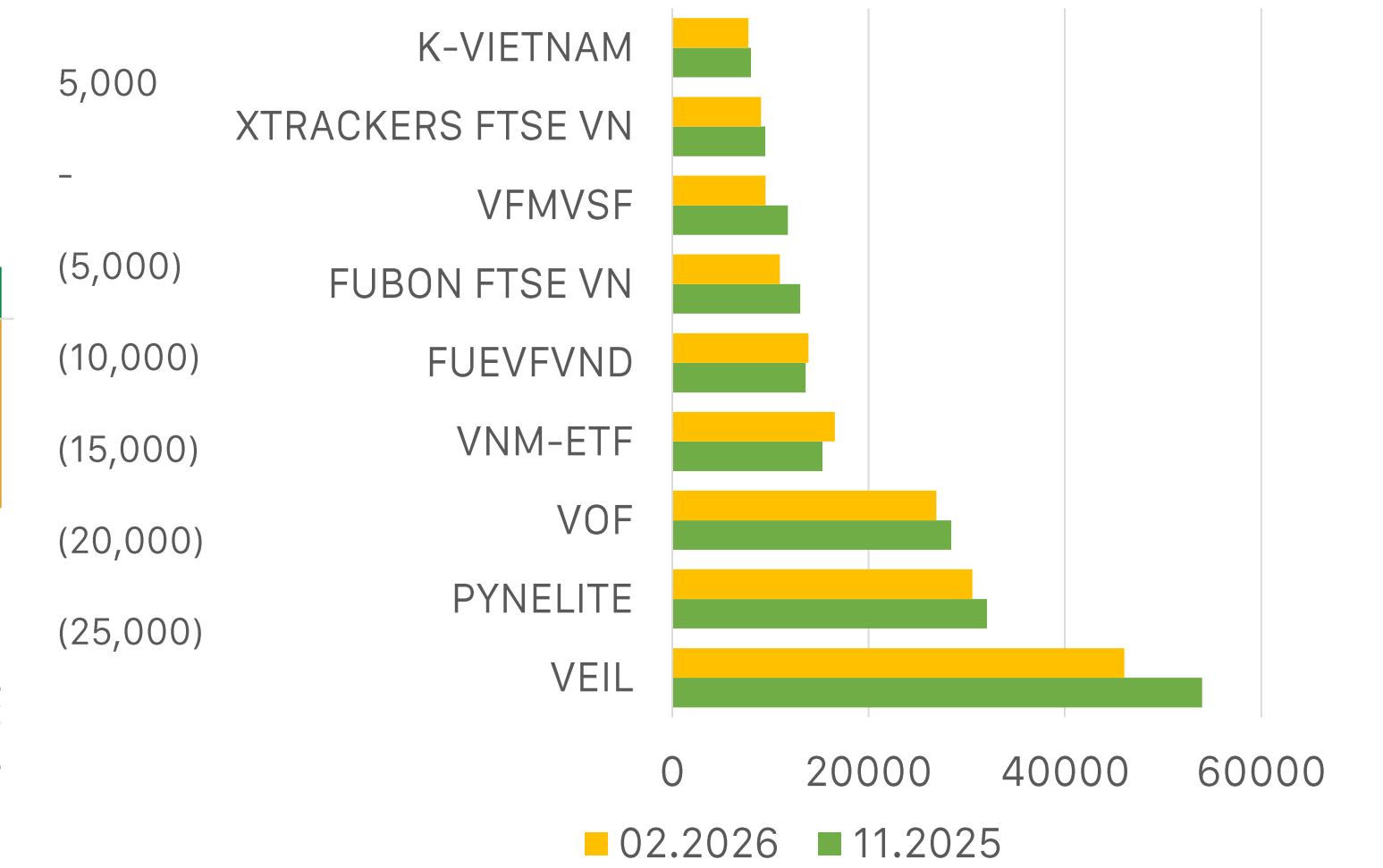
Dòng tiền của quỹ ETF vào VN (tỷ VND)



Dòng tiền các quỹ khác (tỷ VND)



Top 10 tài sản ròng (tỷ VND)

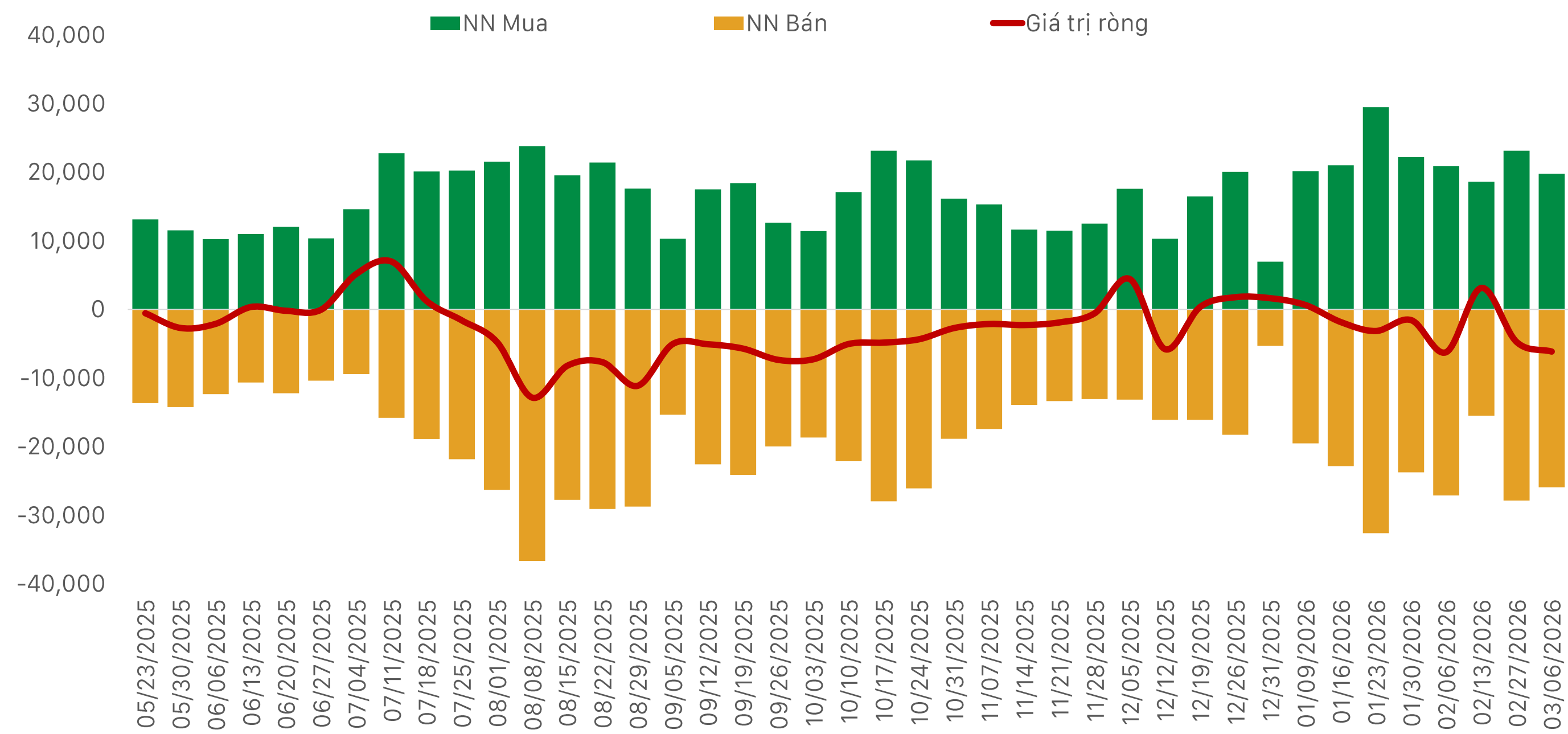


- Trong tuần đầu tháng 3, dòng vốn toàn cầu phản ánh xu hướng thận trọng của nhà đầu tư khi nhiều rủi ro vĩ mô cùng lúc xuất hiện, từ căng thẳng địa chính trị, chính sách thương mại của Mỹ đến những thay đổi trong lĩnh vực công nghệ và tài chính. Trong bối cảnh đó, khẩu vị rủi ro giảm nhẹ khi dòng tiền gia tăng vào các tài sản phòng thủ như vàng vật chất, quỹ phòng hộ giảm giá và quỹ thị trường tiền tệ, trong khi dòng vốn vào trái phiếu lợi suất cao và một số sản phẩm tín dụng suy yếu. Đối với thị trường mới nổi (Emerging Markets), các quỹ cổ phiếu tiếp tục ghi nhận dòng vốn vào mạnh, với quy mô gần mức cao nhất trong vòng 10 tháng. Nhóm quỹ cổ phiếu thị trường mới nổi toàn cầu (GEM) thu hút lượng vốn lớn, trong khi các khu vực khác cũng ghi nhận dòng tiền tích cực.
- Đối với thị trường phát triển (Developed Markets), chiến lược phân bổ vốn mang tính đa dạng hóa tiếp tục chiếm ưu thế. Các quỹ cổ phiếu toàn cầu thu hút dòng vốn lớn nhất trong nhóm thị trường phát triển, vượt xa các khu vực riêng lẻ. Tại châu Âu, định giá cổ phiếu hấp dẫn đang thu hút nhà đầu tư, dù triển vọng tăng trưởng kinh tế vẫn phân hóa giữa các quốc gia. Trong khi đó, các quỹ cổ phiếu Nhật Bản tiếp tục ghi nhận dòng tiền tích cực, phản ánh niềm tin vào cải cách doanh nghiệp và triển vọng lợi nhuận. Ở thị trường cận biên (Frontier Markets), dòng vốn cũng ghi nhận tín hiệu cải thiện khi các quỹ cổ phiếu và trái phiếu cận biên đều thu hút thêm vốn mới, dù quy mô còn khiêm tốn. Điều này cho thấy nhà đầu tư vẫn duy trì sự quan tâm nhất định đối với các thị trường có tiềm năng tăng trưởng dài hạn nhưng mức độ rủi ro cao hơn.

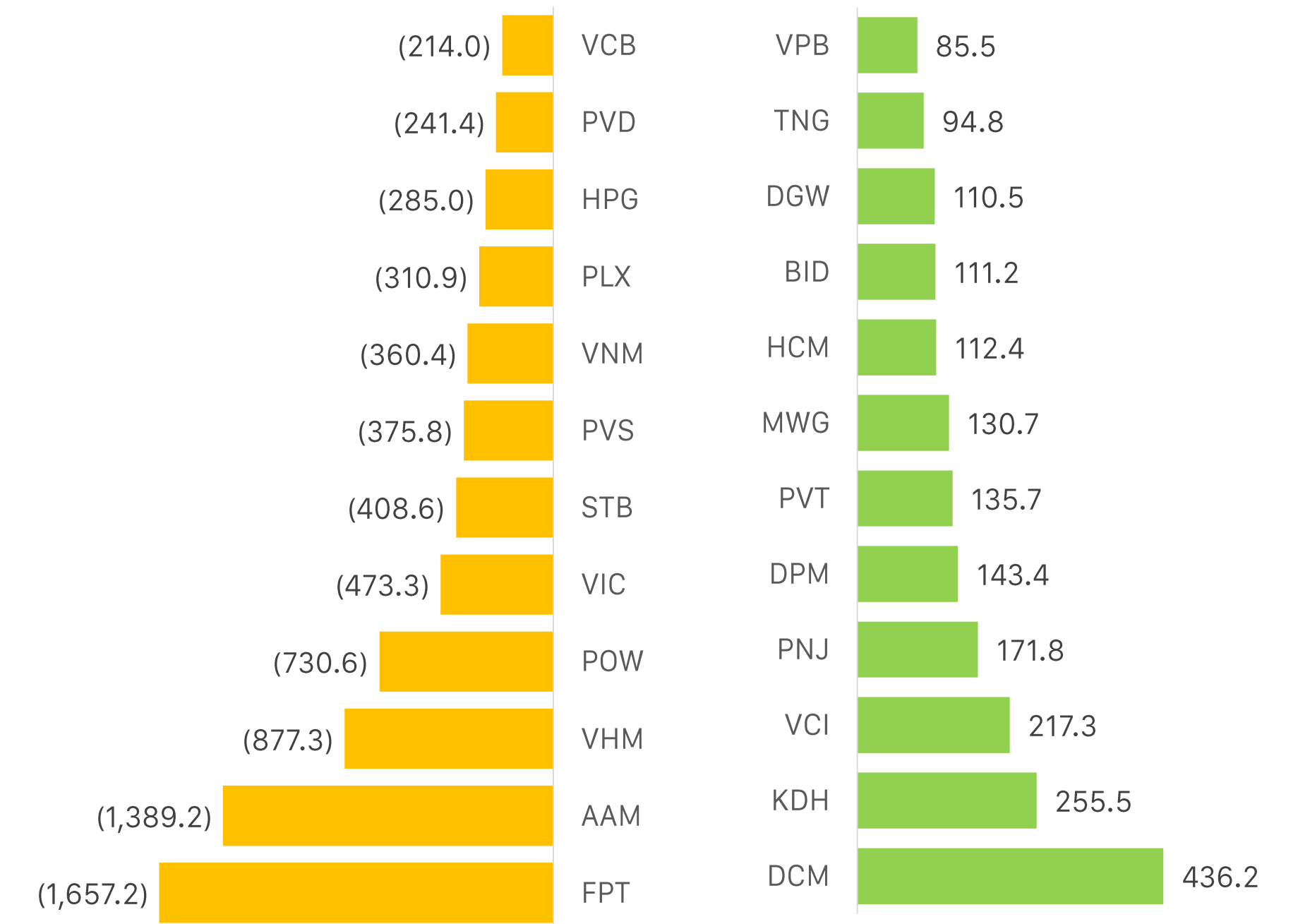
KHỐI NGOẠI GIA TĂNG GIAO DỊCH VÀ BÁN RÒNG NHIỀU HƠN



Giá trị mua bán khối ngoại theo tuần (tỷ VND)



Top CP khối ngoại mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)

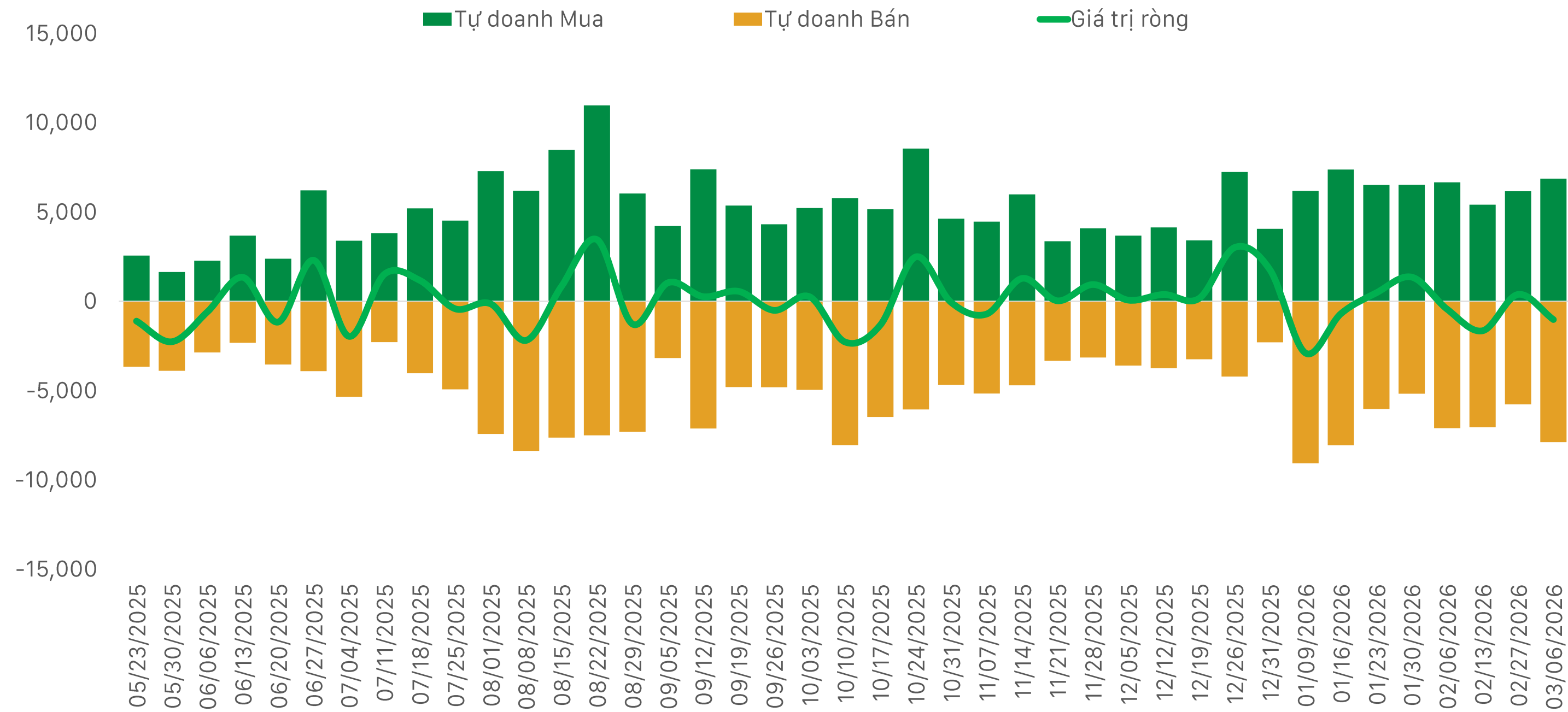


- Trong tuần 2-6.3 khối ngoại giảm cả ở chiều mua lẫn chiều bán với giá trị mua vào khoảng 20 ngàn tỷ - giảm -14% so với tuần trước và bán ra gần 26 ngàn tỷ - giảm -7%. Giá trị bán ròng trong tuần khoảng hơn 6 ngàn tỷ đồng, tăng mạnh so với tuần trước.
- Đứng đầu nhóm cổ phiếu bán ròng trong tuần là FPT với khoảng 1657 tỷ so với tuần trước là 5429 tỷ đồng, Một số cổ phiếu bán ròng mạnh đáng chú ý có VHM, POW, VIC, STB. Nhóm dầu khí có dấu hiệu bán ròng mạnh ở PVS, PLX, PVD hơn 300 tỷ mỗi cổ phiếu.
- Phía mua ròng nổi bật có DCM mua ròng hơn 436 tỷ, KDH là cổ phiếu BĐS duy nhất được mua ròng 255 tỷ. Một số cổ phiếu mua ròng đáng chú ý có VCI, PNJ, DPM, PVT, MWG.

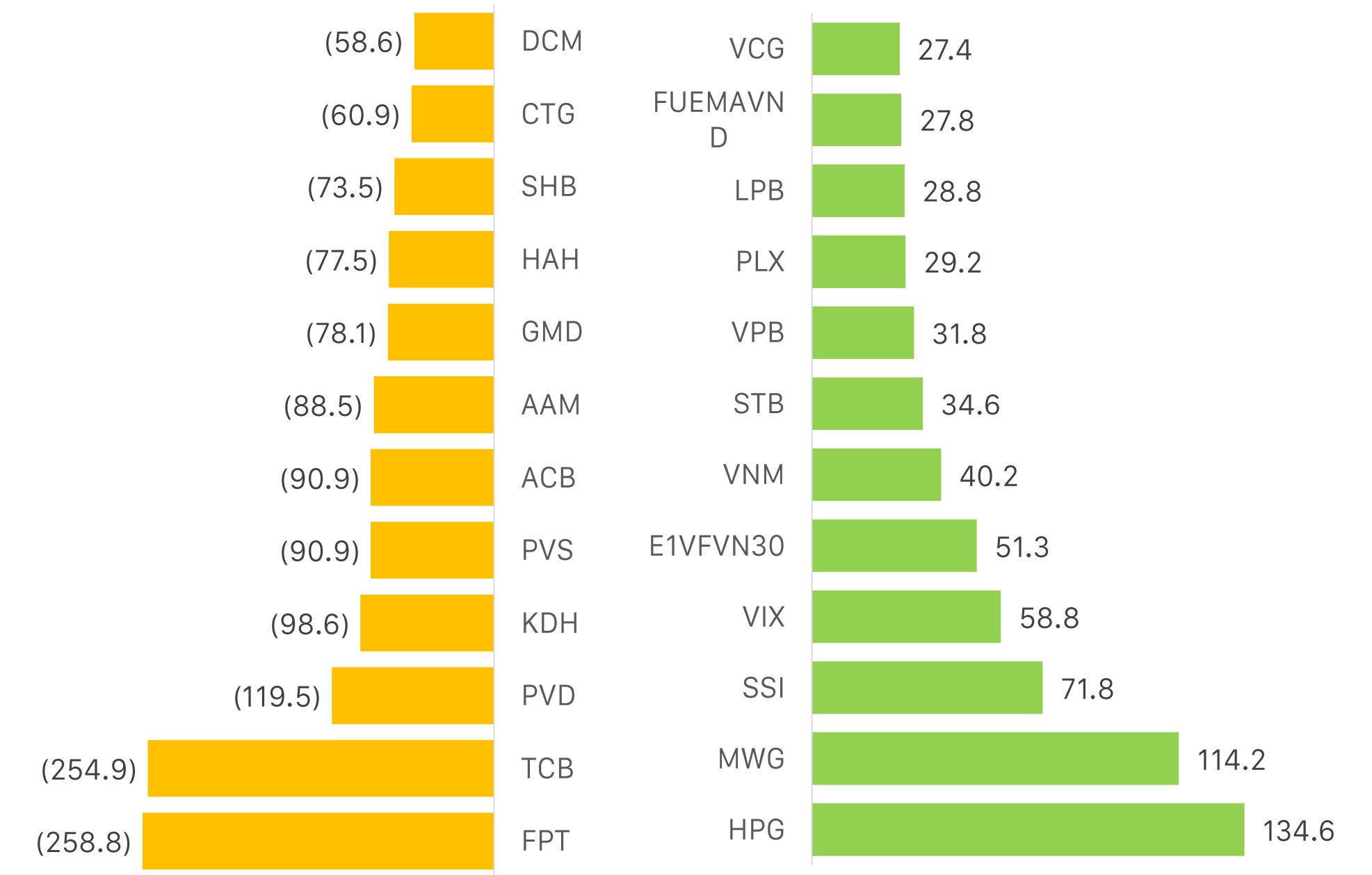
TỰ DOANH MUA BÁN BIẾN ĐỘNG MẠNH



Giá trị mua bán Tự Doanh theo tuần (tỷ VND)



Top CP tự doanh mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)



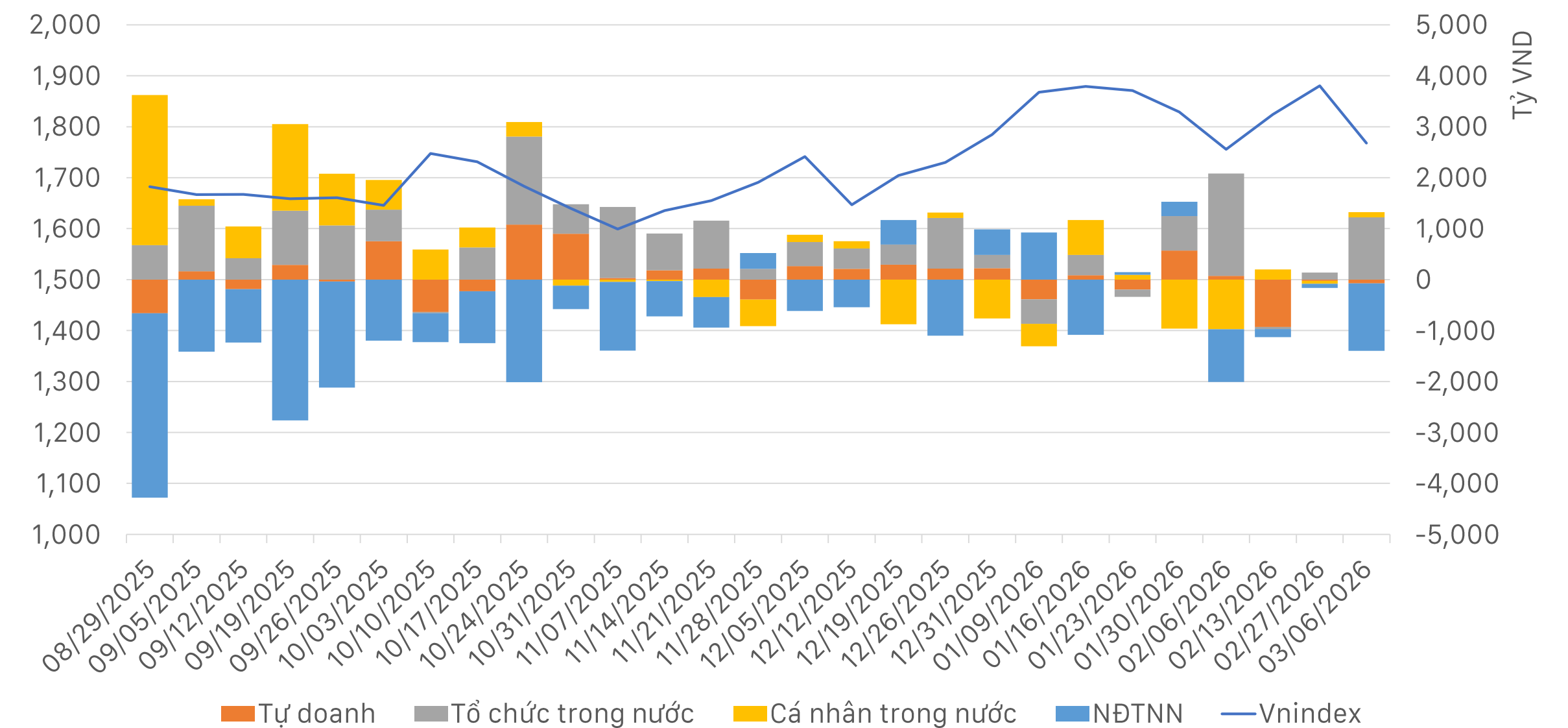
- Tự doanh lại có giao dịch mua vào lẫn bán ra tăng hơn 10% so với tuần trước. Trong tuần tự doanh mua vào hơn 6800 tỷ đồng tăng 11% trong khi bán ra gần 8000 tỷ - tăng 36% so với tuần trước. Giá trị bán ròng trong tuần khoảng 1000 tỷ đồng
- FPT là cổ phiếu bán ròng nhiều nhất với khoảng 258 tỷ đồng, TCB bán ròng thứ nhì khoảng 254 tỷ đồng. Một số cổ phiếu bán ròng đáng chú ý có PVD, KDH, PVS.
- Một số cổ phiếu tự doanh mua ròng khá tập trung hầu hết ở nhóm blue chip như HPG, MWG, SSI, VIX, VNM, STB, VPB.

Tỷ trọng phân bố dòng tiền

Phân ngành	Tỷ trọng dòng tiền	Cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh	Sức mạnh dòng tiền
Ngân hàng	17.4%	STB, MBB, SHB, VPB, TCB	
Dịch vụ tài chính	13.9%	SSI, VCI, FTS, HCM, VIX, VND	
Bất động sản	17.9%	DIG, PDR, NLG, NVL	
Hóa chất	5.9%	DPM, DCM, GVR	
Tài nguyên Cơ bản	6.5%	HPG, HSG, NKG	
Ô tô và phụ tùng	5.0%	HHS, HUT	
Bán lẻ	3.8%	MWG, DGW, PET	
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.4%	TCM, TNG, PNJ	
Viễn thông	5.4%	VGI, FOX, VGI	
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4.0%	POW, GEG, REE	
Dầu khí	4.0%	PVD, PVS	
Thực phẩm và đồ uống	8.3%	DBC, MSN, HAG, BAF	
Xây dựng và Vật liệu	0.3%	CII, HHV, VCG	
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.4%	GEX, VSC, HAH, VTP, GMD	
Y tế	0.9%	DCL, DBD	
Công nghệ Thông tin	0.4%	FPT, CMG, CTR	
Truyền thông	0.1%	YEG	
Bảo hiểm	0.2%	BVH	
Du lịch và Giải trí	0.1%	HVN	

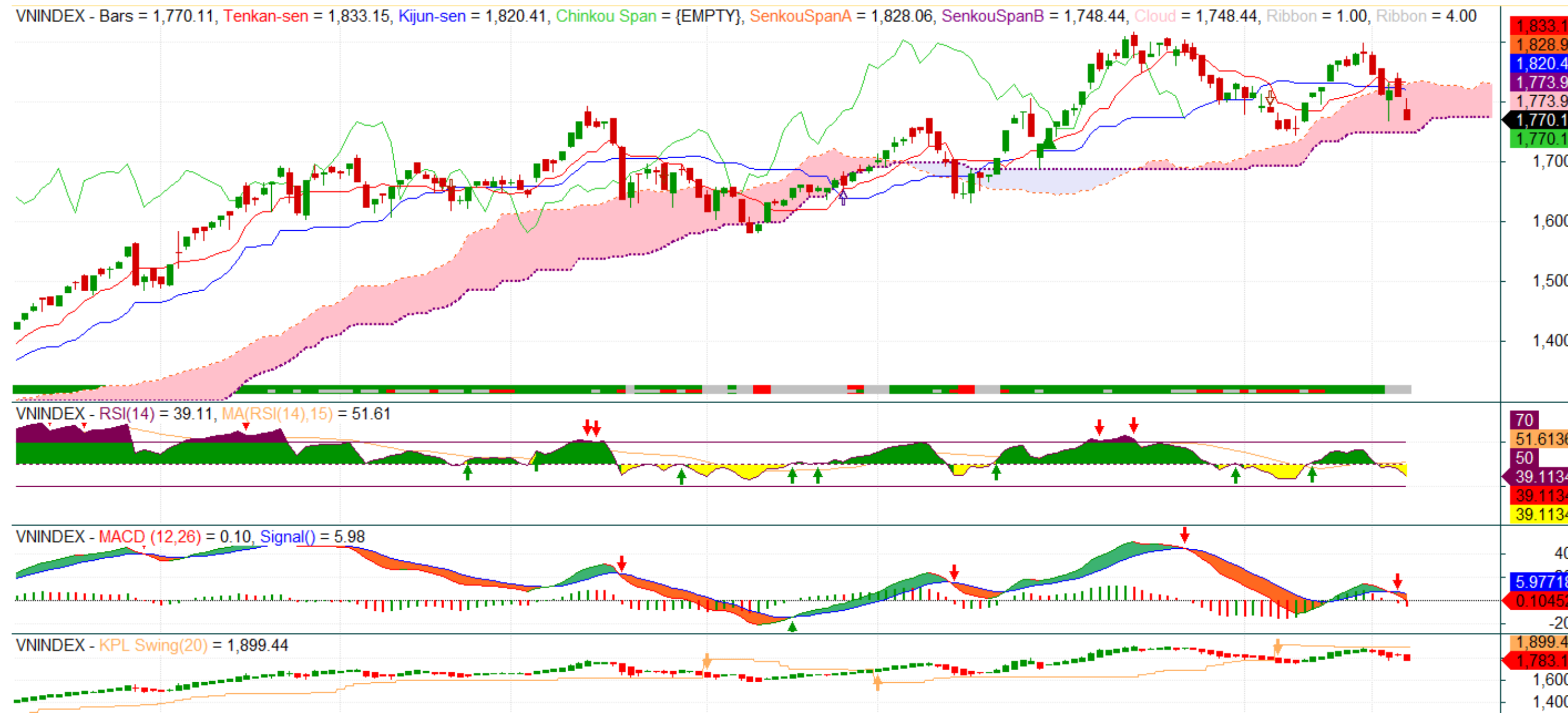
- Dòng tiền giao dịch nhóm ngân hàng và bất động sản chiếm tỷ trọng lớn khoảng 36% so với phần còn lại của thị trường. Trong tuần qua nhà đầu tư giao dịch khá mạnh tập trung ở nhóm SHB, MBB, HPG, POW, VCI.
- Thanh khoản chung thị trường có sự tăng nhẹ so với tuần trước do hoạt động thoái vốn mạnh mẽ khi thị trường sụt giảm. Ngoài ra dòng tiền phân hóa mạnh ở nhóm dầu khí, hóa chất cũng kích thích dòng tiền chuyển dịch sang các nhóm này.

Cơ cấu khớp lệnh theo nhóm nhà đầu tư

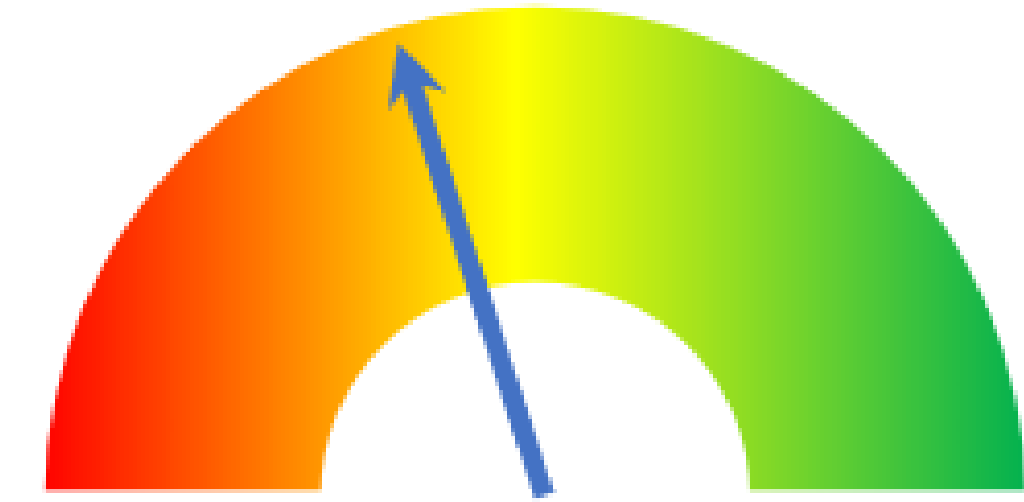


CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT





Mức độ hưng phấn thị trường



RSI	39.11
MACD	0.10
MFI	56.61
MA20	1814
MA50	1816
MA200	1617

- Biến động địa chính trị tại Trung Đông và đà tăng của giá dầu thế giới đang gây lo ngại cho nền tài chính toàn cầu và Việt Nam không ngoại lệ thậm chí mức độ tác động có thể mạnh hơn. Giá năng lượng bật tăng nhanh, làm gia tăng rủi ro lạm phát và có thể tác động đến tâm lý nhà đầu tư trong ngắn hạn. Vì vậy, dù xu hướng trung hạn của thị trường vẫn được hỗ trợ bởi dòng tiền nội tích cực, tuần tới nhiều khả năng tiếp tục xuất hiện các đợt rung lắc mạnh khi thông tin quốc tế liên tục thay đổi.
- Các chỉ báo kỹ thuật tuần qua cho thấy chỉ số Vnindex đã cắt qua đường MA20 và MA50 đồng thời xuyên thủng ngưỡng hỗ trợ quan trọng 1800 hình thành nên đợt giảm giá ngắn hạn. Các tín hiệu kỹ thuật MACD và RSI đều quay chiều xu hướng và trở nên tiêu cực. Điểm tích cực là bối cảnh hiện tại vẫn có sự phân hóa ở một số ngành hưởng lợi ngắn hạn như dầu khí, vận tải biển, hóa chất nhưng áp lực chốt lời đang dần xuất hiện. Điều này sẽ giúp dòng tiền xoay chuyển và kích thích cung cầu tốt hơn đồng thời sẽ giảm áp lực điều chỉnh mạnh trên toàn diện.

Thị trường đang trong giai đoạn suy giảm ngắn hạn vì vậy việc cơ cấu dòng tiền chuyển sang trạng thái phòng thủ và chờ cơ hội. Các nhóm cổ phiếu cơ bản như nhóm ngân hàng, chứng khoán, dầu khí, hóa chất, nông nghiệp ưu tiên giao dịch tuy nhiên cần chờ tín hiệu đảo chiều thật sự xuất hiện.

Cổ phiếu quan tâm: BSR, DCM, DPM, GMD, HAH, SSI, VCI, MWG, HAG, VIC

Danh mục cổ phiếu quan tâm trung hạn:

Ngân hàng: MBB

Bán lẻ, thực phẩm: MWG, HAG

STT	CP	Giá mục tiêu	Lợi suất kỳ vọng (%)	EPS	PE	Điểm nhấn đầu tư
1	HAG	22,000	30%	1,700	9.4	<ul style="list-style-type: none"> HAG đã tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả, lợi nhuận ổn định đạt 1.000 tỷ đồng năm 2024, quý 1/2025 đạt doanh thu 1.380 tỷ và lợi nhuận 341 tỷ, mục tiêu năm 2025 đạt doanh thu 5.500 tỷ và lợi nhuận sau thuế trên 1.100 tỷ đồng. Triển khai 2.000ha dâu nuôi tầm sản xuất tơ xuất khẩu, 2.000ha cà phê Arabica và thí điểm nuôi 700.000 con cá tầm tại Lào, dự kiến thu hoạch vào tháng 9-10/2025. Khoản vay ngắn hạn hơn 6.000 tỷ đồng, nợ dài hạn 1.435 tỷ đồng, tỷ lệ nợ vay/VCSH giảm từ 180% (2020) xuống còn 77%, lỗ lũy kế giảm mạnh còn khoảng 82,7 tỷ, kỳ vọng xóa hết lỗ lũy kế trong năm 2025.
2	MWG	110,000	25%	4,800	18.5	<ul style="list-style-type: none"> MWG đạt doanh thu tăng trưởng cao hơn thị trường chung nhờ mảng điện tử, đặc biệt là điện thoại, laptop và thiết bị gia dụng. BHX mở mới 410 cửa hàng trong 5 tháng, vượt mục tiêu đề ra, doanh thu tăng 19% YoY. MWG đóng cửa một số cửa hàng TGDD và DMX, ưu tiên tối ưu hóa mạng lưới cửa hàng và cải thiện hiệu quả hoạt động. MWG đạt 41% kế hoạch doanh thu năm 2025 và mở rộng thị trường quốc tế tích cực thông qua EraBlue tại Jakarta.
3	MBB	33,000	25%	3,320	8.2	<ul style="list-style-type: none"> Dư nợ tín dụng và đầu tư trái phiếu tổ chức kinh tế đạt 962 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6%, trong đó dư nợ cho vay khách hàng tăng 20% Lợi nhuận trước thuế 9 tháng đầu năm 2025 đạt 23.139 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ, hoàn thành 73% kế hoạch năm. Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất của MB ở mức 1,87%, giảm 0,36% so với cùng kỳ năm 2024. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu 80%, cao hơn bình quân toàn ngành. Ngân hàng phục vụ hơn 33,9 triệu khách hàng, ghi nhận hơn 9,6 tỷ giao dịch số trong 9 tháng; doanh thu kênh số chiếm ~ 40% tổng doanh thu hệ thống.

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	22,000
% tăng giá	25%
Vùng giá mua	15,000 – 16,000
Giá dừng lỗ	14,000

Phân tích kỹ thuật

HAG đang vận động trong xu hướng tăng trung hạn, nhưng giai đoạn hiện tại cho thấy trạng thái đi ngang – tích lũy rõ nét. Giá đóng cửa tại quanh 16, dao động sát vùng MA20 (17,28) và thấp hơn MA50 (17,63), phản ánh lực cầu chưa đủ mạnh để tạo nhịp bứt phá. Dải Bollinger thu hẹp và cấu trúc nền co lại cho thấy thị trường đang trong pha “nén biên”, chờ tín hiệu hướng đi tiếp theo.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- HAG đã có thời gian tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả trong năm qua. Hoạt động kinh doanh đang dần khởi sắc với lợi nhuận năm 2025 tiếp tục duy trì lên 2126 tỷ đồng. 2025 HAG đạt doanh thu 7441 tỷ đồng và lợi nhuận 2126 tỷ- tăng 30% so với cùng kỳ. Năm 2025, HAG đặt mục tiêu doanh thu 5,500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hơn 1,100 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm trước. HAGL cũng đang đẩy mạnh đầu tư vào các lĩnh vực mới, bao gồm trồng 2.000ha dâu nuôi tằm để sản xuất tơ xuất khẩu và 2.000ha cà phê Arabica. Song song đó, dự án nuôi cá tằm đang được thí điểm tại Lào với 700.000 con giống, dự kiến cho thu hoạch lứa đầu vào tháng 9 - 10 năm nay.
- Kết quả trên đạt được trong bối cảnh doanh nghiệp đẩy mạnh tiến trình tái cơ cấu tài chính, trọng tâm là xử lý các khoản trái phiếu đã tồn tại trong nhiều năm. Trong năm 2025, công ty đã phát hành 210 triệu cổ phiếu phổ thông nhằm hoán đổi hơn 2.500 tỷ đồng nợ trái phiếu nhóm B cho 6 chủ nợ, qua đó xóa bỏ nghĩa vụ nợ vay tương ứng trước thời điểm đến hạn.
- Theo chỉ tiêu kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, công ty sẽ trồng 2.000 ha cà phê giống Arabica trong năm 2025. Sau khi đã triển khai trồng thực tế đủ 2.000 ha này, Hoàng Anh Gia Lai quyết định đầu tư thêm 1.000 ha cà phê giống Arabica trong năm 2025, nâng tổng diện tích lên 3.000 ha. Hoàng Anh Gia Lai muốn niêm yết Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai trong năm 2026 và niêm yết Công ty cổ phần Gia Súc Lơ Pang trong năm 2027.



HAG	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Doanh thu (tỷ VND)	3,177	2,097	5,111	6,932	5,783	7,441
Lợi nhuận (tỷ VND)	(1,256)	203	1,129	1,709	1,013	2,126
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	206	507	1,173	1,364	2,172	2,780
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(1,254)	(972)	(793)	271	(716)	(323)
KLCP DLH (triệu CP)	927	927	927	927	1,057	1,267
VCSH (tỷ VND)	10,028	4,673	5,195	6,726	9,326	14,185
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	37,266	18,440	19,798	21,528	22,281	26,892
Book Value	10,812	5,039	5,601	7,252	8,819	11,191
EPS	(1,354)	219	1,217	1,843	958	1,677
ROE	-12.5%	4.3%	21.7%	25.4%	10.9%	15.0%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	8,772	2,510	4,000	4,829	5,748	6,208
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	9,331	5,777	4,165	3,082	1,217	1,693
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	18,103	8,286	8,166	7,910	6,965	7,902
Nợ Vay/VCSH	180.5%	177.3%	157.2%	117.6%	74.7%	55.7%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	32,000
% tăng giá	20%
Vùng giá mua	24,000 - 26,000
Giá dừng lỗ	22,000

Phân tích kỹ thuật

MBB đang trong xu hướng tăng trung hạn theo xu hướng chung của nhóm cổ phiếu ngân hàng. Từ đầu năm đến nay MBB đã tăng giá trên 70% lên vùng đỉnh cao nhất 30 vì vậy giá MBB đang trong giai đoạn tích lũy. Vùng hỗ trợ MBB quanh 26-27 là đường MA50 trung hạn. Các vị thế tích lũy có thể mở ra khi giá về quanh vùng này. Mục tiêu trung và dài hạn của MBB là 30-35

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Ngân hàng TMCP Quân đội MBB công bố kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2025, ghi nhận tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô, hiệu quả và chất lượng tài sản, khẳng định sức bật nội lực giữa thị trường biến động.
- Tổng tài sản đạt 1.615 triệu tỷ đồng, tăng 43% so với đầu năm, thuộc nhóm cao nhất hệ thống. Dư nợ tín dụng và đầu tư trái phiếu đạt 962 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6%, với dư nợ cho vay khách hàng tăng 40%, SME tăng 18,5%, bán lẻ tăng 15,8%. Doanh thu (TOI) đạt 48.165 tỷ đồng, tăng 24%; thu thuần dịch vụ tăng 40% so với cùng kỳ.
- Song song với tăng trưởng tài chính, MB tiếp tục củng cố vị thế ngân hàng số tiên phong. Đến cuối năm 2025, ngân hàng phục vụ khoảng 35 triệu khách hàng, xử lý hơn 11 tỷ giao dịch, trong đó 98,8% thực hiện trên kênh số – một chỉ báo cho thấy hành vi khách hàng đã dịch chuyển căn bản sang môi trường số. Đáng chú ý, việc ứng dụng AI và Big Data trong phê duyệt tín dụng đã giúp MB cấp hạn mức gần 70 nghìn tỷ đồng, cho thấy chuyển đổi số không còn dừng ở chiến lược hay thông điệp truyền thông, mà đã trở thành năng lực vận hành cốt lõi, tạo ra giá trị thực chất về hiệu quả, kiểm soát rủi ro và tốc độ tăng trưởng.
- Năm 2025, MBB đạt lợi nhuận hơn hơn 27 ngàn tỷ đồng, tăng 19.3% so với cùng kỳ. MBB hiện vẫn là ngân hàng có tỷ lệ CASA ấn tượng hơn 36%, nợ xấu ở mức thấp 1.3% - giảm mạnh so với 1.6% 2024 và tỷ lệ bao phủ nợ xấu ở mức 93%.



MBB	2020	2021	2022	2023	2024	2025.9T
Tỷ lệ CASA	37.0%	44.6%	37.6%	38.1%	38.0%	35.9%
CAR (%)	10.4%	11.3%	11.5%	10.8%	11.8%	11.8%
Tăng trưởng tín dụng (%)	18.9%	20.7%	26.4%	33.7%	27.6%	32.8%
EPS (VND)	2,756	3,146	3,856	3,966	3,931	692
P/B	1.7	1.2	1.3	1.3	1.1	1.5
BVPS (VND)	17,117	15,768	16,751	17,786	21,135	15,822
ROE (%)	19.2%	23.6%	25.8%	24.5%	22.1%	20.2%
NIM (%)	4.7%	5.0%	5.7%	4.8%	4.1%	4.0%
LDR (%)	94.5%	92.2%	101.1%	105.6%	107.1%	116.5%
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.1%	0.9%	1.1%	1.6%	1.6%	1.9%
Dự phòng RR/ Nợ xấu (%)	134.1%	268.0%	238.0%	117.0%	92.2%	79.2%
Vốn CSH/ Tài sản	10.1%	10.3%	10.9%	10.2%	10.4%	10.0%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	110,000
% tăng giá	20%
Vùng giá mua	80,000 - 85,000
Giá dừng lỗ	75,000

Phân tích kỹ thuật

MWG đang duy trì xu hướng tăng trung hạn rõ ràng. Giá hiện tại 92,9 đã vượt lên trên toàn bộ các đường trung bình quan trọng: MA20 (86,9), MA50 (84,5) và MA100 (82,6). Cấu trúc "higher high – higher low" được giữ vững từ cuối tháng 11 đến nay cho thấy xu hướng tăng vẫn đang chiếm ưu thế. Việc giá bứt lên vùng cao mới đi kèm cây nến tăng mạnh cuối tuần củng cố tín hiệu tiếp diễn xu hướng.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (HoSE: MWG) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý IV/2025 cùng kế hoạch kinh doanh năm 2026, ghi nhận nhiều chỉ tiêu tăng trưởng mạnh và ở mức cao kỷ lục. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế quý IV/2025 đạt 2.071 tỷ đồng, tăng hơn 2,4 lần so với cùng kỳ. Lũy kế cả năm 2025, MWG ghi nhận 7.036 tỷ đồng lợi nhuận ròng, tăng 89% so với năm trước, phản ánh sự phục hồi rõ nét của hoạt động bán lẻ.

Bước sang năm 2026, MWG đặt mục tiêu doanh thu tăng 18% và lợi nhuận sau thuế tăng 30%, cho thấy kỳ vọng cải thiện mạnh mẽ hiệu quả vận hành. Trong đó, Điện Máy Xanh tiếp tục là trụ cột chính, dự kiến đóng góp khoảng 65% doanh thu và 80% lợi nhuận toàn tập đoàn. Chuỗi này đặt mục tiêu tăng trưởng 15% doanh thu và 20% lợi nhuận, với chiến lược tập trung vào dịch vụ trọn vòng đời sản phẩm. Mạng dịch vụ Thợ Điện Máy Xanh được định hướng phát triển thành nền tảng đa dịch vụ, không chỉ phục vụ nội bộ mà còn mở rộng ra thị trường sửa chữa, bảo trì cho hộ gia đình.

Ở thị trường quốc tế, chuỗi EraBlue tại Indonesia dự kiến mở rộng lên 300 cửa hàng trong năm 2026, hướng tới tăng trưởng doanh thu 30% và từng bước chuẩn bị cho lộ trình IPO.

Trong khi đó, Bách Hóa Xanh được kỳ vọng đóng góp khoảng 30% doanh thu và 20% lợi nhuận, với mục tiêu tăng trưởng doanh thu trên 20%. Động lực chính đến từ tối ưu cửa hàng hiện hữu, mở mới khoảng 1.000 điểm bán và cải thiện biên lợi nhuận theo mô hình "siêu thị gần nhà – giá tiết kiệm".











Ngoài ra, các chuỗi An Khang và AvaKids được đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu 20–30% trong năm 2026, đồng thời duy trì trạng thái kinh doanh có lãi, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái bán lẻ đa ngành của MWG.



MWG	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Doanh thu (tỷ VND)	108,546	122,958	133,405	118,280	134,341	156,458
Lợi nhuận (tỷ VND)	3,918	4,899	4,100	168	3,722	7,037
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	23,954	27,632	30,862	22,521	27,499	30,294
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(594)	(674)	(1,362)	(1,448)	(1,137)	1,471
KLCP DLH (triệu CP)	453	713	1,464	1,463	1,462	1,470
VCSH (tỷ VND)	15,482	20,378	23,933	23,360	28,122	33,179
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	46,031	62,971	55,834	60,111	70,438	83,959
Book Value	34,160	28,578	16,349	15,963	19,232	22,575
EPS	8,644	6,870	2,801	115	2,545	4,788
ROE	25.3%	24.0%	17.1%	0.7%	13.2%	21.2%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	15,625	24,647	10,688	19,129	27,300	29,931
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	1,127	-	5,901	5,985	-	-
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	16,752	24,647	16,589	25,114	27,300	29,931
Nợ Vay/VCSH	108.2%	120.9%	69.3%	107.5%	97.1%	90.2%

LỊCH SỰ KIỆN



Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
 Eurogroup họp: Thảo luận chính sách tài khóa châu Âu, có thể gây biến động EUR nếu đề cập lãi suất, ảnh hưởng đến trái phiếu chính phủ.	 Trung Quốc công bố cán cân thương mại tháng 1-2: Xuất khẩu tăng nhờ nhu cầu toàn cầu, có thể đẩy mạnh Nhân dân tệ và cổ phiếu xuất khẩu nếu thặng dư lớn.	 Mỹ công bố CPI tháng 2: Lạm phát cốt lõi ổn định, có thể ảnh hưởng quyết định Fed, đẩy USD mạnh nếu cao, giảm chứng khoán	 Mỹ công bố PPI tháng 2: Chỉ số giá sản xuất ổn định, ảnh hưởng kỳ vọng Fed, có thể tăng USD nếu cao, giảm lợi suất trái phiếu.	 Mỹ công bố GDP quý 4 (ước tính 2) và PCE cốt lõi: Tăng trưởng ổn, lạm phát cao có thể đẩy USD mạnh, giảm S&P 500.
 Trung Quốc công bố CPI và PPI tháng 2: Chỉ số lạm phát tiêu dùng dự kiến tăng nhẹ do giá năng lượng, có thể hỗ trợ đồng Nhân dân tệ nếu vượt kỳ vọng, thúc đẩy cổ phiếu hàng tiêu dùng.	 Hàn Quốc công bố GDP quý 4 (cuối): Tăng trưởng ổn định từ xuất khẩu chip, có thể hỗ trợ đồng Won và chứng khoán Seoul nếu vượt dự báo	 Trung Quốc tiếp tục Two Sessions: Thảo luận Kế hoạch 5 năm 2026-2030, có thể công bố kích thích, thúc đẩy cổ phiếu Shanghai	 Anh: Thống đốc BoE phát biểu: Về lạm phát, có thể gây biến động GBP nếu gợi ý cắt lãi suất, ảnh hưởng FTSE.	 Anh công bố GDP tháng 1: Tăng nhẹ, có thể hỗ trợ GBP nếu vượt kỳ vọng, thúc đẩy chứng khoán London

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	DP3	HNX	20/03/2026	23/03/2026	29/06/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 4,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	SDC	HNX	19/03/2026	20/03/2026	20/04/2026	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	COM	HOSE	16/03/2026	17/03/2026	2/4/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	DNC	HNX	9/3/2026	10/3/2026	1/4/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	STC	HNX	3/3/2026	4/3/2026	27/03/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	TDF	UPCoM	27/02/2026	2/3/2026		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 4:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
7	TMG	UPCoM	26/02/2026	27/02/2026	11/3/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SHP	HOSE	26/02/2026	27/02/2026	12/3/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	PJC	HNX	26/02/2026	27/02/2026	10/4/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	REE	HOSE	26/02/2026	27/02/2026	3/4/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	LSS	HOSE	25/02/2026	26/02/2026	19/06/2026	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	LSS	HOSE	25/02/2026	26/02/2026		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
13	HPD	UPCoM	24/02/2026	25/02/2026	5/3/2026	Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	VSH	HOSE	13/02/2026	23/02/2026	10/4/2026	Trả cổ tức đợt 3/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	EBS	HNX	13/02/2026	23/02/2026	28/04/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	BCM	HOSE	12/2/2026	13/02/2026	13/03/2026	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	USD	UPCoM	11/2/2026	12/2/2026	27/02/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,520 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	DAE	HNX	11/2/2026	12/2/2026	3/3/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	DHN	UPCoM	11/2/2026	12/2/2026	6/3/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	FCM	HOSE	9/2/2026	10/2/2026	12/3/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 150 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán OCBS, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán OCBS. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark, Số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (024) 7770 1212

Website: <https://ocbs.com.vn/>

Phòng phân tích

Email: research@ocbs.com.vn



THANK YOU